

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

SAO VANG RUBBER JOINT - STOCK COMPANY



SRC[®]

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2023**



Thách thức mọi con đường

01 THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

- 1 Thông tin khái quát
- 6 Quá trình hình thành và phát triển
- 7 Ngành nghề kinh doanh
- 8 Địa bàn kinh doanh
- 9 Mô hình quản trị và Bộ máy quản lý
- 13 Phân tích SWOT
- 14 Định hướng phát triển
- 15 Các rủi ro

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 17 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 18 Tổ chức và nhân sự
- 19 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- 20 Tình hình tài chính
- 21 Cơ cấu cổ đông và vốn đầu tư của chủ sở hữu

03 BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- 24 Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023
- 25 Đánh giá thực hiện nhiệm vụ năm 2023
- 27 Kế hoạch phát triển 2024
- 29 Đánh giá của Ban điều hành liên quan đến trách nhiệm về môi trường, xã hội năm 2023

04 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 31 Đánh giá của Hội đồng quản trị về mọi mặt hoạt động của công ty
- 31 Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023
- 32 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành
- 32 Kế hoạch cổ tức năm 2024
- 32 Kế hoạch của Hội đồng quản trị năm 2024

05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 34 Hội đồng quản trị
- 36 Ban kiểm soát
- 38 Giao dịch, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành

06 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 40 Mục tiêu phát triển bền vững
- 41 Các chỉ tiêu phát triển bền vững

07 BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023 ĐÃ KIỂM TOÁN



CHƯƠNG

01

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề kinh doanh
- Địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị và Bộ máy quản lý
- Phân tích SWOT
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Việt Nam là một nước nằm trong vùng nhiệt đới, có vùng đất đỏ ở Tây Nguyên rộng lớn nên rất thuận lợi cho việc trồng cây cao su để khai thác mủ và chế biến thành cao su thiên nhiên. Do tầm quan trọng của công nghiệp cao su trong nền kinh tế quốc dân nên ngay sau khi miền Bắc giải phóng (tháng 10/1954) ngày 7/10/1956 xưởng đắp và sắm lốp ô tô được thành lập tại số 2 Đặng Thái Thân và bắt đầu hoạt động vào tháng 11/1956 đến đầu năm 1960 thì sát nhập vào Nhà máy cao su Sao Vàng nó chính là tiền thân của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng sau này.

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng chuyên sản xuất các loại săm lốp: Máy bay, ô tô, xe đặc chủng, xe máy, xe đạp và các sản phẩm cao su kỹ thuật. Được ra đời sớm nhất ngành Công nghiệp cao su Việt Nam, Công ty cổ phần Cao su Sao Vàng là trung tâm kỹ thuật trong các lĩnh vực:

- Thiết kế và phân tích kết cấu các sản phẩm cao su Thiết lập các công thức pha chế và xây dựng các phương pháp gia công cao su.
- Áp dụng các kỹ thuật tiên tiến trong khảo sát, phân tích và thí nghiệm, nhằm hoàn thiện công nghệ sản xuất.
- Thiết kế, thử nghiệm và chế tạo các phương tiện công nghệ, bao gồm các loại khuôn mẫu, dụng cụ, phụ tùng, máy và thiết bị trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm cao su.

Tên tiếng việt
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Số 0100100625 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/04/2006, thay đổi lần thứ 11 ngày 11/05/2023

Tên tiếng anh
SAO VANG RUBBER JOINT STOCK COMPANY

Email
caosusaovang@src.com.vn

Tên viết tắt
SRC

Phone
0243 858 3656

Địa chỉ trụ sở chính
SỐ 231, ĐƯỜNG NGUYỄN TRÁI, PHƯỜNG THƯỢNG ĐÌNH, QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Fax
0243 858 3644

Nơi niêm yết
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Website
<http://src.com.vn/>



TRIẾT LÝ KINH DOANH



Tầm nhìn

KHẲNG ĐỊNH VỊ TRÍ LÀ NHÀ
SẢN XUẤT SẴM LỚP HÀNG
ĐẦU VIỆT NAM

KHÔNG NGỪNG PHÁT TRIỂN
ĐỂ TRỞ THÀNH THƯƠNG HIỆU
NỔI TIẾNG THẾ GIỚI



Giá trị cốt lõi

SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG CAO,
GIÁ TRỊ BỀN VỮNG

SẢN PHẨM ĐA DẠNG

SẢN PHẨM HƯỚNG TỚI
KHÁCH HÀNG



Sứ mệnh

SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM VỚI CHẤT
LƯỢNG TỐT NHẤT - AN TOÀN

TIÊN PHONG TRONG VIỆC ĐÓNG GÓP
VÀO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH SẢN
XUẤT SẴM LỚP VIỆT NAM

LUÔN TÔN TRỌNG LỢI ÍCH CHÍNH ĐÁNG
CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG

CHỈ TIÊU NỔI BẬT



↑ 30,9%



↑ 8,2%



↑ 0,9%



↑ 12,1%



↑ 6,1%

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH NĂM 2019 - 2023

Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022	2023
----------	------	------	------	------	------

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Doanh thu thuần (tỷ đồng)	926,3	1.349,3	955,7	915,3	1.197,8
Giá vốn hàng bán (tỷ đồng)	764,6	1.132,4	780,0	753,0	1.032,5
Lợi nhuận gộp (tỷ đồng)	161,6	216,8	175,7	162,3	165,3
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	51,7	96,5	52,4	38,2	39,1
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	41,4	73,5	40,0	27,7	29,4

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tổng tài sản (tỷ đồng)	806,8	1.045,3	1.235,4	1.245,0	1.346,8
Nợ phải trả (tỷ đồng)	425,5	977,1	802,8	805,7	903,5
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	381,3	428,2	432,6	439,3	443,4

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Thu nhập trên tổng tài sản (%)	5	6,65	3,03	2,24	2,27
Thu nhập trên vốn chủ sở hữu (%)	11,46	18,16	9,30	6,36	6,66

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	1.474	2.620	1.427	989	1.048
--------------------------------	-------	-------	-------	-----	-------

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1960



Thành lập nhà máy
Cao su Sao Vàng

1992



Nhà máy Cao su Sao Vàng
chính thức đổi tên thành
Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

2005



Công ty Cao su Sao Vàng được cổ
phần hóa theo Quyết định số 3500/
QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp.

2006



Công ty được sở Kế hoạch và Đầu tư
Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng
nhận đăng ký kinh doanh lần đầu với
số vốn điều lệ 49.048.000.000 đồng

2009



Cổ phiếu của công ty được niêm
yết trên Sở giao dịch Chứng
khoán Thành phố Hồ Chí Minh

2013



Công ty thay đổi đăng ký kinh
doanh lần 6 với vốn điều lệ là
182.249.940.000 đồng

2016



Công ty thay đổi đăng ký kinh
doanh lần 8 với vốn điều lệ
280.657.650.000 đồng

2020



Tập đoàn hóa chất Việt Nam thoái
thành công 15% cổ phần tại SRC,
tỷ lệ nắm giữ còn 36%



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

Kinh doanh các sản phẩm làm từ cao su, chế tạo máy móc thiết bị phục vụ ngành cao su và lốp các loại.

CÁC SẢN PHẨM, DỊCH VỤ KINH DOANH CHÍNH



Kinh doanh các sản phẩm làm từ cao su



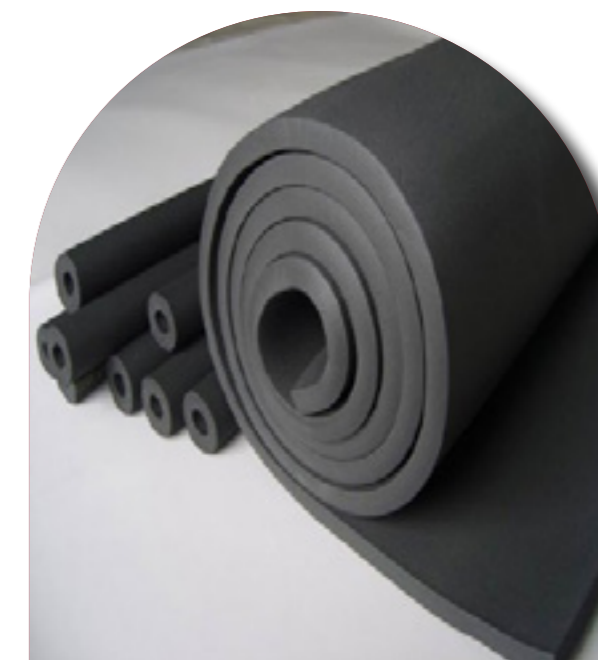
Chế tạo, mua bán máy móc thiết bị phục vụ ngành cao su



Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị máy móc, hoá chất phục vụ ngành sản xuất công nghiệp Cao su



Lốp các loại (xe máy, xe đạp, ô tô, máy bay)



Cao su kỹ thuật



Cho thuê cửa hàng, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi

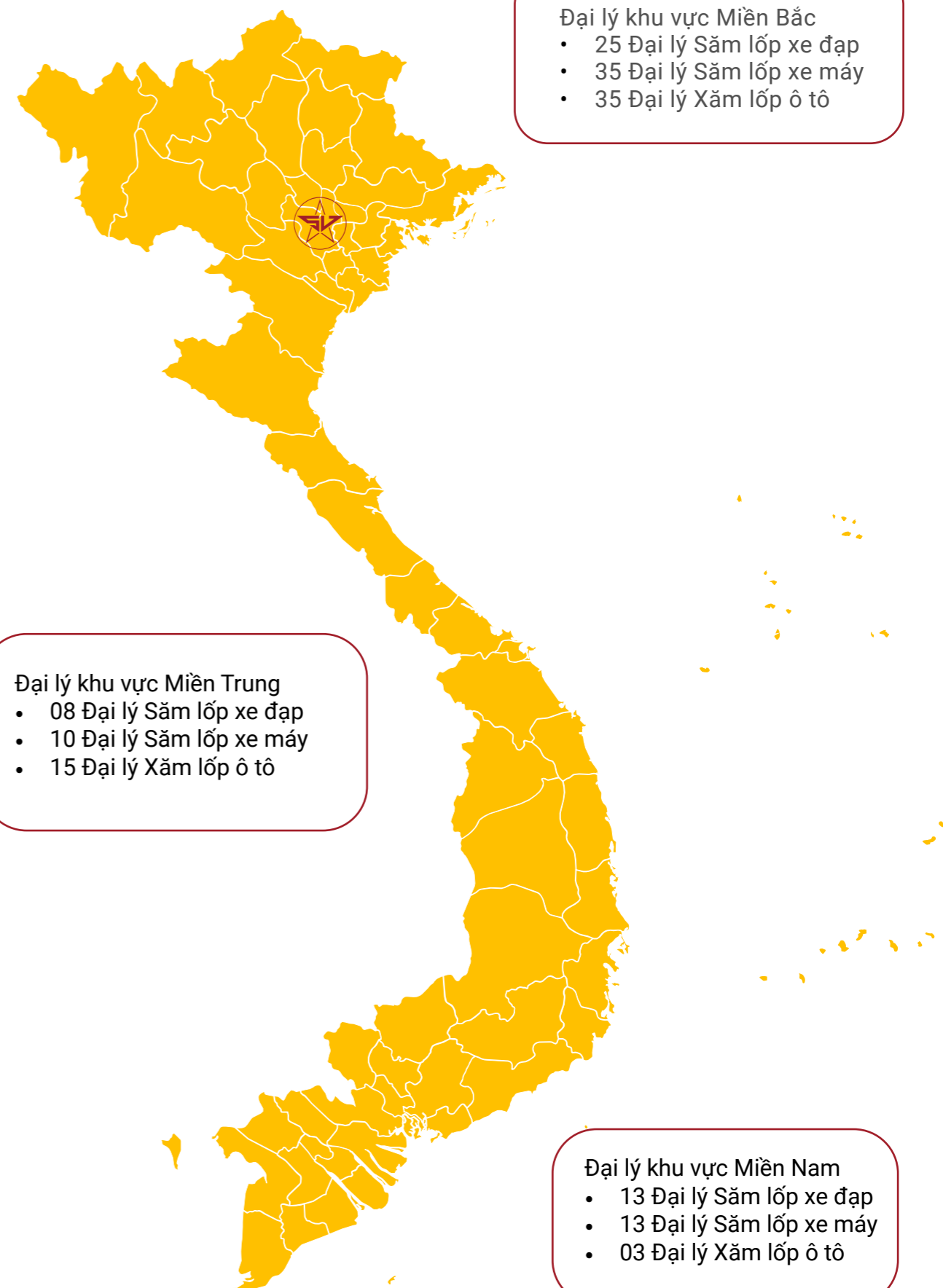


Săm các loại (xe đạp, xe máy, ô tô, máy bay)

ĐỊA BÀN KINH DOANH



Cùng với Trụ sở chính Hà Nội, Công ty hiện tại có 3 xí nghiệp và 3 chi nhánh tại Thái Bình, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh. Sản phẩm của SRC có mặt tại 63 tỉnh thành và hơn 20 quốc gia trên Thế giới.

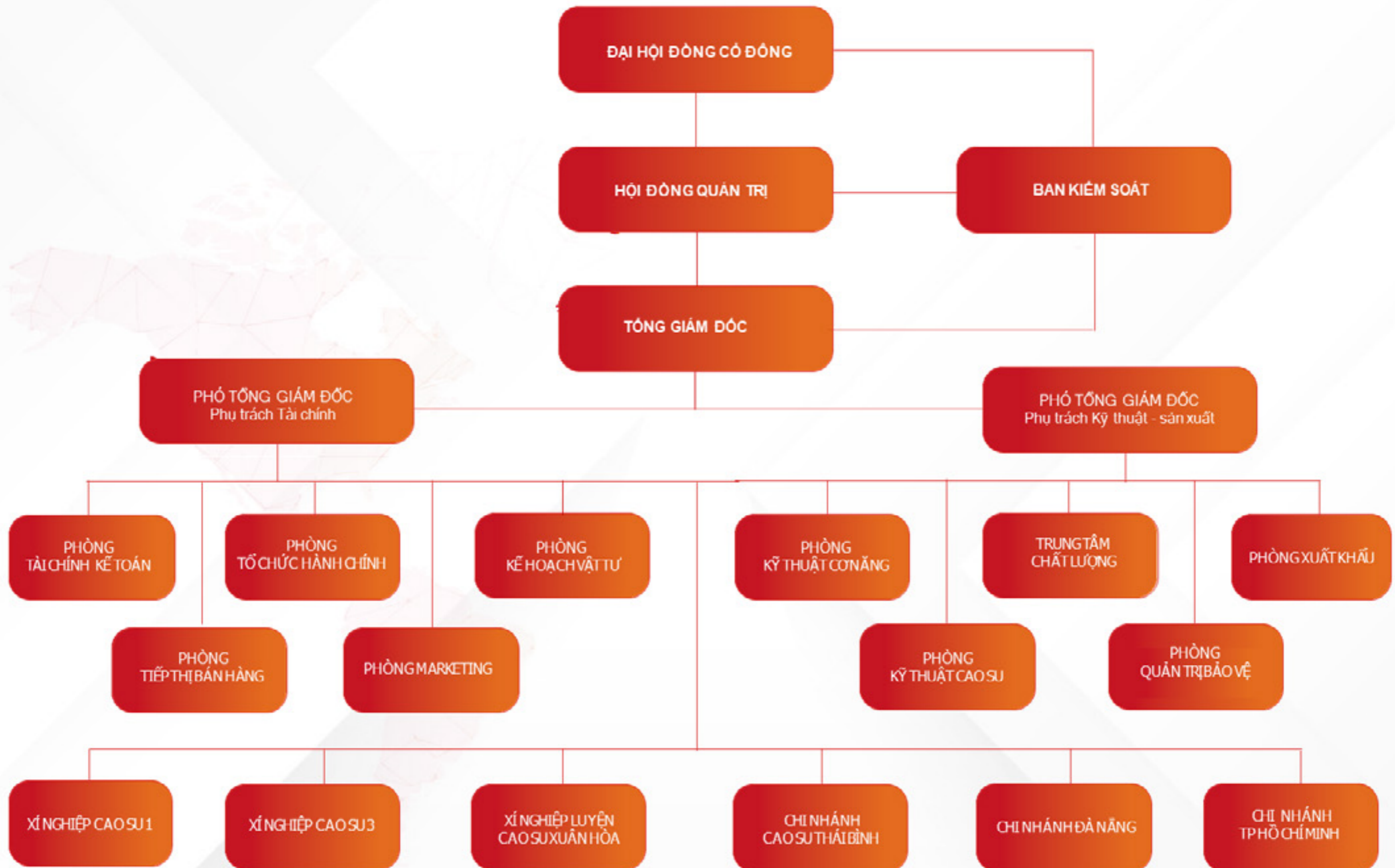


- Đại lý khu vực Miền Bắc**
- 25 Đại lý Săm lốp xe đạp
 - 35 Đại lý Săm lốp xe máy
 - 35 Đại lý Xăm lốp ô tô

- Đại lý khu vực Miền Trung**
- 08 Đại lý Săm lốp xe đạp
 - 10 Đại lý Săm lốp xe máy
 - 15 Đại lý Xăm lốp ô tô

- Đại lý khu vực Miền Nam**
- 13 Đại lý Săm lốp xe đạp
 - 13 Đại lý Săm lốp xe máy
 - 03 Đại lý Xăm lốp ô tô

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



THÔNG TIN BAN LÃNH ĐẠO

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHẠM HOÀNH SƠN

Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1972
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Quản lý kinh tế
- Ngày được bổ nhiệm: 4/2020

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn
- Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Vũng Áng
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dầu khí Đầu tư khai thác cảng Phước An
- Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn
- Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP Sao Vàng - Hoàng Sơn



NGUYỄN VIỆT HÙNG

Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1967
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD, Kỹ sư điện, Kỹ sư Tin học
- Ngày được bổ nhiệm: 01/03/2019

Quá trình công tác:

- 1997 - 1999: Kỹ sư - XNNL CT Cao su Sao Vàng
- 1999 - 2000: Kỹ sư P.KTCN CT Cao su Sao Vàng
- 2000 - 2002: Thư ký Giám đốc CT Cao su Sao Vàng
- 2002 - 2003: Phó P.KTCN Công ty Cao su Sao Vàng
- 2003 - 9/2006: Phó Giám đốc XNCS3 Công ty CP Cao su Sao Vàng
- 10/2006 - 2/2007: Phó GD, GD XN Năng lượng Công ty CP Cao su Sao Vàng
- 3/2007 - 9/2010: Giám đốc XNCS3 Công ty CP Cao su Sao Vàng
- 10/2010 - 10/2012: Giám đốc XNCS 1 Công ty CP Cao su Sao Vàng
- 10/2012 - 4/2018: Phó TGD Công ty CP Cao su Sao Vàng
- 5/2018 - 2/2019: Thành viên HĐQT, Phó TGD Công ty CP Cao su Sao Vàng
- 2/2019 - nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP Cao su Sao Vàng



NGUYỄN THANH TÙNG

Thành viên HĐQT kiêm P. Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1973
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Ngày được bổ nhiệm: 2019

Quá trình công tác:

- 5/1995 - 5/2002: Kế toán Công ty CP Cao su Sao Vàng
- 6/2002 - 3/2016: Phó phòng TCKT Công ty CP Cao su Sao Vàng
- 4/2016 - 4/2018: Thành viên HĐQT, Phó phòng Tài chính kế toán Công ty CP Cao su Sao Vàng
- 5/2018 - 15/12/2019: Thành viên HĐQT, Phó phòng Tài chính kế toán Công ty CP Cao su Sao Vàng
- 16/12/2019 - 14/01/2020: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty CP Cao su Sao Vàng
- 15/01/2020 - 08/6/2020: Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty CP Cao su Sao Vàng
- 08/6/2020 - đến nay: Thành viên HĐQT, Phó TGD Công ty CP Cao su Sao Vàng



NGUYỄN ĐÌNH SƠN

Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1977
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Ngày được bổ nhiệm: 4/2021

Quá trình công tác:

- 08/1999 - 12/2017: Phó GD TT4 - Công ty TSTK & TVXD - BQP
- 01/2018 - nay: Phó GD Công ty TNHH Tư vấn, thiết kế Phú Xuân



LƯƠNG XUÂN HOÀNG

Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1981
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng, Cử nhân Kinh tế
- Ngày được bổ nhiệm: 4/2021

Chức vụ quản lý tại các tổ chức khác:

- 01/2012 - 07/2014: Chuyên viên phòng kinh doanh Bắc Á - AMC
- 07/2014 - nay: CVC xử lý nợ Vietinbank

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



NGUYỄN TRUNG HÒA

Trưởng Ban Kiểm soát

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1977
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- T6/2000 - T3/2003: Công nhân thành hình lớp ô tô tại XNCS3, Công ty Cao su Sao Vàng
- T4/2003 - T4/2006: Chuyên viên định mức kinh tế kỹ thuật P.TCHC, Công ty Cao su Sao Vàng
- T4/2006 - T11/2006: Phó phòng TCNS, Công ty CP Cao su Sao Vàng
- T11/2006-T6/2007: Chuyên viên văn phòng công ty, Công ty CP Cao su Sao Vàng
- T6/2007 - T2/2009: Chuyên viên phòng Kế hoạch vật tư, Công ty CP Cao su Sao Vàng
- T2/1009 - T1/2015: Phó chánh văn phòng, Công ty CP Cao su Sao Vàng
- T2/2015 - T8/2015: Phó phụ trách phòng Vật tư - Xuất nhập
- T8/2015 - T9/2017 Công ty CP Cao su Sao Vàng
- T9/2017 - T11/2019: Trưởng phòng Vật tư, Công ty CP Cao su Sao Vàng
- T12/2019 - T2/2020: Trưởng phòng Kế hoạch - Vật tư, Công ty CP Cao su Sao Vàng
- T2/2020 - T4/2022: Trưởng phòng Tổ chức hành chính, Công ty CP Cao su Sao Vàng
- T4/2022 - nay: Trưởng BKS, kiêm Trưởng phòng Tổ chức hành chính, CTCP Cao su Sao Vàng



VŨ THỊ MAI NHUNG

Thành viên Ban Kiểm soát

- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1968
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- 1988 - 1999: Nhân viên kế toán, Công ty Xây dựng số 25 - Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng
- 2000 - 2007: Biên tập viên, Kế toán - NXB Thống kê
- 2008 - 2011: Chuyên viên Tiếp thị bán hàng - CTCP Cao su Sao Vàng
- 2011 -2015: Chuyên viên phòng Tài chính kế toán, thành viên Ban Kiểm soát- Công ty Tài chính cổ phần Hóa chất Việt Nam
- 2015 - nay: Chuyên viên Ban kế hoạch kinh doanh - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
- 2018 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát, CTCP Pin Ấc Quy miền Nam



HOÀNG VĂN HÒA

Thành viên Ban Kiểm soát

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1989
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

- 2012 - 04/2018: Chuyên viên P.TTBH - Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng
- 2018 -nay: Phó P.TTBH - Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

**NGUYỄN VIỆT HÙNG**

Tổng giám đốc
(Đã giới thiệu ở mục HĐQT)

**NGUYỄN THANH TÙNG**

P. Tổng giám đốc
(Đã giới thiệu ở mục HĐQT)

**NGUYỄN QUANG HÀO**

P. Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1961
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa polyme Hóa

Quá trình công tác

- 07/1997 - 5/2001: Giám đốc PT sản xuất - Công ty cao su Inoue Việt Nam
- 05/2001 - 1/2003: Giám đốc - XNCS3 Công ty Cao su Sao Vàng
- 01/2003 - 3/2006: Giám đốc - XNCS3 Công ty CP Cao su Sao Vàng
- 04/2006 - 1/2007: P. Tổng Giám đốc - Công ty CP Cao su Sao Vàng
- 02/2007 - 4/2011: TV. HĐQT, P. TGD- Công ty CP Cao su Sao Vàng
- 05/2016 - đến nay: P. Tổng Giám đốc - Công ty CP Cao su Sao Vàng

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty con: Không có

Công ty liên kết:

Tên công ty	Công ty TNHH Sao Vàng Hoàng Sơn
Địa chỉ	Số 231 đường Nguyễn Trãi - Phường Thượng Đình - Quận Thanh Xuân - Hà Nội.
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh	Đầu tư, kinh doanh bất động sản
Vốn điều lệ	500 (tỷ đồng)
Tỷ lệ sở hữu	26%

Tên công ty	Công ty Cổ phần Sao Vàng Hoàng Sơn
Địa chỉ	Khối hành chính dịch vụ, KCN cảng biển Vũng Áng, Xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh	Sản xuất săm, lốp cao su
Vốn điều lệ	750 (tỷ đồng)
Tỷ lệ sở hữu	50%

Kết quả kinh doanh trong năm 2023 của cả 2 công ty liên kết đều lỗ.

ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

STT	CÔNG TY	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty CP Philips Carbon Black	Lô đất số 4, Khu công nghiệp Mỹ Xuân A - Huyện Tân	Sản xuất than đen	120,6	7%

PHÂN TÍCH SWOT

S

Điểm mạnh

Với bề dày kinh nghiệm, Sao Vàng tự hào là nhà sản xuất săm lốp uy tín, cung cấp sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng. Mạng lưới rộng khắp cùng hệ thống đối tác trung thành giúp Sao Vàng phân phối sản phẩm toàn quốc, tiếp cận mọi người tiêu dùng. Sở hữu quỹ đất vàng tại trung tâm Hà Nội, Sao Vàng đang phát triển mạnh mẽ mảng bất động sản, hứa hẹn tiềm năng phát triển to lớn.

W

Điểm yếu

Tiềm lực tài chính hạn chế dẫn tới quy mô của các doanh nghiệp còn tương đối nhỏ so với các doanh nghiệp FDI, dẫn tới khả năng cạnh tranh về quy mô còn thấp. Công nghệ sản xuất kinh doanh còn thấp, doanh nghiệp gặp nhiều rào cản trong cập nhật máy móc thiết bị sản xuất kinh doanh. Danh mục sản phẩm của công ty chưa đa dạng, còn một số sản phẩm đáp ứng được thị hiếu của khách hàng, trong đó yếu tố công nghệ còn chưa cao. Các dự án hợp tác, di dời cơ sở sản xuất kinh doanh có tốc độ triển khai chậm. Phụ thuộc vào nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu dẫn tới khả năng kiểm soát chi phí đầu vào còn yếu. Trong xu hướng chuyển đổi lốp ô tô từ bias sang radial, công ty xuất phát chậm hơn các doanh nghiệp cùng ngành.

O

Cơ hội

Ngành cao su săm lốp Việt Nam nói chung và CTCP Cao su Sao Vàng nói riêng có nhiều cơ hội phát triển và cạnh tranh về giá bởi có nguồn nguyên liệu cao su tự nhiên dồi dào (Việt Nam có khí hậu thuận lợi để phát triển cây cao su, cao su tự nhiên không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn có khả năng xuất khẩu) và nguồn lao động rẻ. Với lộ trình cam kết hội nhập với các hiệp định thương mại tự do được ký kết, các hàng rào thuế quan dần được dỡ bỏ, thị phần xuất khẩu của doanh nghiệp có nhiều dư địa để mở rộng. Thị trường ngành sản xuất săm lốp cũng như ô tô trong nước được ưu ái bởi nhiều chính sách công. Nhu cầu săm lốp và các sản phẩm cao su khác có xu hướng tăng trưởng nhờ nhu cầu bị dồn nén do ảnh hưởng của COVID-19 và hạn chế về nguồn cung trong giai đoạn 2021– 2022. Quy hoạch và chiến lược phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam tầm nhìn đến năm 2035 với mục tiêu thúc đẩy sản lượng ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước; phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ và tăng tỉ lệ nội địa hóa trong sản xuất ô tô. Nếu quy hoạch trên được thực hiện đồng bộ và hiệu quả thì sẽ mang lại tiềm năng tăng trưởng lớn cho ngành công nghiệp săm lốp nội địa.

T

Thách thức

Rủi ro về giá nguyên liệu đầu vào là rất lớn. Với cao su thiên nhiên, tuy nguồn cung tại chỗ trong nước dồi dào nhưng giá cao su thiên nhiên Việt Nam gần như phụ thuộc hoàn toàn vào giá cao su thế giới. Còn các nguyên vật liệu đầu vào khác phần lớn phải nhập khẩu từ các nhà cung cấp nước ngoài, làm giảm khả năng quản lý chi phí đầu vào của các doanh nghiệp. Kinh tế toàn cầu bất ổn, lạm phát và đứt gãy chuỗi cung ứng, bất ổn địa chính trị và chiến tranh có nguy cơ làm giá thành nguyên vật liệu đầu vào của công ty tăng cao, dẫn đến giá vốn cao làm giảm lợi thế cạnh tranh về giá của doanh nghiệp. Tình hình lạm phát tăng cao, đời sống bị ảnh hưởng làm giảm sức cầu nhập khẩu hàng hoá, trong đó ảnh hưởng mạnh nhất là các mặt hàng không thiết yếu, trong đó có các mặt hàng săm lốp cao su. Các sản phẩm của công ty gặp phải cạnh tranh gay gắt từ các nhà sản xuất khác Sản phẩm lốp ô tô của Cao su Sao Vàng đã cũ và không còn bắt kịp xu hướng thị trường, chủ yếu do công nghệ sản xuất chưa cao. Bên cạnh đó, tiêu chuẩn lốp xe nhập khẩu vào thị trường Châu Âu phải đáp ứng tiêu chuẩn Emark và chứng nhận Reach, tạo thử thách lớn cho các doanh nghiệp khi muốn sản phẩm sang thị trường này.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Chiến lược dài hạn:

Khẳng định vị thế là nhà cung cấp lốp xe và các sản phẩm cao su kỹ thuật hàng đầu Việt Nam Khai thác triệt để các dòng sản phẩm đang có doanh thu tốt trên thị trường, ngoài ra tập trung đầu tư công nghệ sản xuất các sản phẩm mới như: lốp ô tô radian, lốp xe không sấm, lốp xe đặc chủng, xe tải cỡ lớn...

Chiến lược trung hạn:

Định hướng về chiến lược sản phẩm: Tập trung phát triển sản phẩm sấm lốp radial.

Định hướng về chất lượng: tích cực tìm kiếm, khai thác, nghiên cứu, thử nghiệm và áp dụng đưa vào sản xuất các loại vật liệu mới, thay đổi đơn pha chế, hợp lý hóa nguyên vật liệu và kết cấu sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.



CÁC RỦI RO

Rủi ro về kinh tế:

Kinh tế Việt Nam đã trải qua năm 2023 đầy thách thức khi kinh tế thế giới giảm tốc do các chính sách tiền tệ thắt chặt, cuộc xung đột Nga - Ukraine và những mâu thuẫn quốc tế khác tiếp tục ảnh hưởng. Tuy nhiên, Việt Nam đã thể hiện sự kiên cường và sẵn sàng vượt qua khó khăn để trở thành một trong những điểm sáng về tăng trưởng kinh tế.

Trong năm 2023, phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam diễn ra trong hoàn cảnh bất lợi từ bên ngoài (tình hình quốc tế, khu vực trên nhiều mặt) và từ bên trong (những khó khăn của nền kinh tế mở, ảnh hưởng của đại dịch COVID-19). Điều này đã ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng, giá cả, an ninh năng lượng và lương thực. Mặc dù vậy, Việt Nam vẫn đạt được kết quả tăng trưởng kinh tế đáng kinh ngạc.

Tuy nhiên, năm 2023 cũng phản ánh nhiều bất cập khi sự phục hồi của nhu cầu bên ngoài không đạt được như mong đợi, ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng công nghiệp và dịch vụ, gây chậm trễ trong quá trình phục hồi việc làm và tiêu dùng trong nước. Điều này đòi hỏi những biện pháp mạnh mẽ hơn để khắc phục. Tuy vậy, trong bối cảnh này, cần có những khuyến nghị mạnh mẽ để tạo ra một tương lai sáng sủa hơn cho nền kinh tế Việt Nam trong năm 2024. Điều này có thể bao gồm việc tăng cường cải cách kinh doanh, đẩy mạnh đầu tư công và tư nhân, thúc đẩy năng lượng tái tạo và công nghệ cao, cũng như thúc đẩy hợp tác quốc tế và tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi hơn. Những biện pháp này có thể giúp Việt Nam vượt qua những thách thức và đạt được tăng trưởng bền vững trong năm 2024.

Rủi ro pháp luật:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản luật liên quan khác. Năm 2023, Ủy ban Chứng khoán nhà nước tiếp tục tái cấu trúc Thị trường chứng khoán, tăng cường công tác quản lý công ty đại chúng và các tổ chức kinh doanh chứng khoán. Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm trong bối cảnh các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán ngày càng tinh vi, phức tạp. Công ty cần chủ động nghiên cứu, tìm hiểu để thực hiện theo đúng những quy định đã được ban hành.

Rủi ro tỷ giá:

15% doanh thu của ngành sấm lốp đến từ xuất khẩu sang các nước, như vậy biến động tỷ giá cũng sẽ tác động trực tiếp đến doanh thu của công ty. Hơn nữa, nguyên liệu nhập khẩu phục vụ sản xuất chiếm tỷ trọng tương đối cao trong Công ty, hoạt động này chịu ảnh hưởng lớn bởi biến động tỷ giá. Căn cứ vào kế hoạch kinh doanh và kinh nghiệm lâu năm trong ngành, SRC đã và đang nỗ lực trong công tác dự báo thị trường, dự báo nhu cầu nguyên vật liệu để đảm bảo cân đối nhu cầu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất và nhu cầu sử dụng ngoại tệ để hạn chế những bị động khi tỷ giá biến động cũng như khi thị trường nguyên vật liệu thế giới biến động.

Rủi ro tài chính:

Công ty luôn hướng đến cấu trúc tài chính lành mạnh, duy trì dòng tiền hợp lý để cân đối giữa rủi ro và tối đa giá trị doanh nghiệp. Ngoài ra, ban lãnh đạo đã và đang xây dựng mô hình quản trị rủi ro để cân đối tốt chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng giám đốc công ty đã theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro. Với kinh nghiệm quản trị của mình, ban quản trị đã nỗ lực để tối thiểu hóa các chi phí như chi phí bán hàng, quản lý chi phí giá vốn để giúp cho tỷ suất lợi nhuận gộp của doanh nghiệp có sự cải thiện.

Rủi ro nguyên vật liệu:

Nguyên liệu chính phục vụ sản xuất của Công ty bao gồm: cao su thiên nhiên, cao su tổng hợp, vải màn, than đen, thép tanh, hóa chất các loại, chất độn, chiếm khoảng 65-70% giá thành sản phẩm. Chính vì vậy, giá thành các nguyên liệu đầu vào ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Ngoài cao su tự nhiên được mua từ các đối tác trong nước với nguồn cung khá dồi dào thì hầu hết các nguyên liệu khác đều phải nhập khẩu nên chi phí nguyên vật liệu phụ thuộc rất lớn vào biến động giá nguyên vật liệu thế giới. Trong năm 2023, giá cao su có diễn biến giảm trong quý I, sau đó đi ngang ở mức thấp cho đến hết tháng 8, hồi phục mạnh trong quý III, điều chỉnh trong tháng 10 - 11, rồi bước vào đà tăng kể từ tháng 12.

Để đối phó với rủi ro về giá nguyên liệu đầu vào biến động, SRC có dự trữ một lượng hàng tồn kho nhằm duy trì ổn định giá vốn hàng bán. Cùng với đó, công ty đã duy trì các mối quan hệ truyền thống với các nhà

cung cấp trong và ngoài nước để đảm bảo nguồn cung ứng nguyên vật liệu đầu vào ổn định, chất lượng đảm bảo, giá cạnh tranh. Đầu tư nghiên cứu công tác dự báo và thông tin đối thủ cạnh tranh để xây dựng được chiến lược giá bán linh hoạt, hợp lý..

Rủi ro cạnh tranh

- Thị trường trong nước

Ngoài cạnh tranh với các doanh nghiệp nội địa như CSM và DRC mà Công còn cạnh tranh với các thương hiệu nhập khẩu nổi tiếng như: Bridgestone, Goodyear, Michellin, Maxxis, Chengshin, Hankook... đặc biệt từ Trung Quốc đối với nhóm sản phẩm lốp TBR với giá bán rẻ tràn vào Việt Nam đã tạo áp lực mạnh mẽ đối với Công ty. Cùng với đó, Trung Quốc lại đang dần phục hồi sau đại dịch khiến các Doanh nghiệp sản phẩm lốp Trung Quốc bắt đầu khôi phục sản xuất, tăng mức cạnh tranh. Sự đa dạng của dây sản phẩm cùng loại giữa các doanh nghiệp sản phẩm, đặc biệt là phân khúc giá rẻ đã đẩy các doanh nghiệp cạnh tranh về giá bán, chưa kể đến việc thị trường tiêu thụ gặp nhiều khó khăn do sức cầu của thị trường yếu, xu hướng tiêu dùng chuyển sang sử dụng lốp Radial, sản phẩm SRC chịu sự cạnh tranh quyết liệt giữa các công ty sản xuất sản phẩm cùng loại và hàng nhập khẩu...

- Thị trường xuất khẩu

Đối với thị trường Châu Âu, hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) mà Việt Nam đã ký kết với ưu đãi giảm thuế nhập khẩu về 0% trong vòng 7 năm đối với phụ tùng ô tô, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển sản phẩm ô tô của Công ty tại thị trường này. Tuy nhiên, lốp xe nhập khẩu phải đáp ứng tiêu chuẩn Emark và chứng nhận Reach, đây sẽ là thử thách không nhỏ cho các doanh nghiệp muốn tìm kiếm cơ hội ở thị trường khó tính này.

Đối với thị trường Mỹ, Chính phủ Mỹ đã có quyết định cuối cùng về áp thuế chống trợ cấp chính phủ (CVD) và thuế chống bán phá giá (AD) đối với nhóm lốp xe bán thép (PCR) lắp cho xe tải nhỏ và xe du lịch sản xuất tại Việt Nam. Ngày 29/9/2023, DOC đã ban hành Kết luận cuối cùng trong vụ việc. Mức thuế chống trợ cấp cuối cùng là 1,34%, giảm đáng kể so với mức thuế hiện hành áp dụng cho doanh nghiệp này là 6,46%. Dù vậy đây vẫn là một khó khăn trong cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam khi xuất khẩu vào thị trường Mỹ.

Rủi ro môi trường:

Phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh bền vững đi kèm với bảo vệ môi trường luôn là mối quan tâm được doanh nghiệp đặt lên hàng đầu. Các phế phẩm, khí thải, nước thải từ quá trình sản xuất sản phẩm luôn được doanh nghiệp quan tâm xử lý đúng với quy định của nhà nước, sao cho ảnh hưởng đến môi trường xung quanh ở mức tối thiểu. Ngoài ra, công ty còn có những chính sách tái chế, tái sử dụng một số các nguyên liệu đầu vào vừa bảo vệ môi trường vừa tiết kiệm chi phí đầu vào.

Rủi ro khác:

Một số rủi ro mang tính chất bất khả kháng nằm ngoài ý trí chủ quan của Công ty như thiên tai, hỏa hoạn,... hay những rủi ro đến từ những yếu tố mang tính vĩ mô của nền kinh tế là những rủi ro có thể gây thiệt hại đến hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả hoạt động của Công ty đều là những rủi ro khó lường. Công ty chỉ có thể hạn chế các rủi ro này bằng cách tiến hành mua bảo hiểm với tài sản để phần nào hạn chế hậu quả nếu rủi ro xảy ra cũng như tăng cường công tác dự báo, dự đoán để nắm bắt được những thay đổi trong nền kinh tế, từ đó vạch ra đường lối phát triển phù hợp cho Công ty.



CHƯƠNG

02 | TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông và vốn đầu tư của chủ sở hữu

THÔNG TIN NGÀNH

Ngành cao su thời gian qua chịu nhiều tác động, đặc biệt diễn biến giá cao su giảm. Kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết trong ngành có những diễn biến trái chiều.

Tính chung năm 2023, Việt Nam xuất khẩu được 2,14 triệu tấn cao su, trị giá 2,89 tỷ USD, giảm 0,1% về lượng và giảm 12,8% về trị giá so với năm 2022.

Sản lượng xuất khẩu cao su sang các thị trường như Ấn Độ, Hàn Quốc, Mỹ, Đức, Thổ Nhĩ Kỳ, Đài Loan, Indonesia, Sri Lanka, Nga... phần lớn đều sụt giảm so với cùng kỳ. Tuy nhiên, một số thị trường chủ chốt vẫn tăng trưởng như Trung Quốc, Hà Lan, Argentina, Pháp....

Mức thuế chống trợ cấp được giảm từ 6,46% về 1,34% trong giai đoạn 10/11/2020 – 31/12/2021 là tin vui cho doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu lốp xe ô tô sang Hoa Kỳ tại kỳ rà soát mới nhất.

Tháng 6 năm 2020, Hoa Kỳ khởi xướng điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với lốp xe ô tô nhập khẩu từ Việt Nam. Tháng 7 năm 2021, Hoa Kỳ áp dụng mức thuế chống bán phá giá từ 0% đến 22,27% và thuế chống trợ cấp từ 6,23% đến 7,89% cho các sản phẩm này.

Tuy nhiên, phần lớn doanh nghiệp Việt Nam (chiếm 95,5% tổng kim ngạch xuất khẩu lốp xe ô tô sang Hoa Kỳ) được xác định không bán phá giá, do đó không bị áp thuế chống bán phá giá. Mức thuế chống trợ cấp áp dụng cho doanh nghiệp Việt Nam cũng thấp nhất so với các nước khác bị điều tra trong vụ việc này.

Ngày 6 tháng 9 năm 2022, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) khởi xướng rà soát hành chính thuế chống trợ cấp đối với lốp xe ô tô nhập khẩu từ Việt Nam trong giai đoạn từ 10/11/2020 đến 31/12/2021. Ngày 29 tháng 9 năm 2023, DOC công bố kết luận cuối cùng, giảm mức thuế chống trợ cấp xuống còn 1,34% (từ mức 6,46% trước đây) cho giai đoạn này.

Ngoài ra, DOC cũng khởi xướng rà soát hành chính lần thứ hai thuế chống trợ cấp đối với lốp xe ô tô nhập khẩu từ Việt Nam trong giai đoạn từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 vào ngày 11 tháng 9 năm 2023. Dự kiến kết luận rà soát sẽ được ban hành vào ngày 31 tháng 7 năm 2024.

Nhìn chung, các doanh nghiệp xuất khẩu lốp xe ô tô Việt Nam đang có nhiều tín hiệu tích cực trong việc giảm thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp từ thị trường Hoa Kỳ.

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH QUA CÁC NĂM

Chỉ tiêu	Đơn vị	2019	2020	2021	2022	2023	2023/2022
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	929,15	1.383,92	994,86	915,28	1197,8	130,86%
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	764,61	1.132,45	780,03	752,97	1.032	137,12%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	51,71	96,47	52,40	38,19	39,06	102,26%

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH SO VỚI KẾ HOẠCH

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện	So sánh (%)
Doanh thu thuần	tỷ đồng	2000	1197,8	59,89
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	100	39,1	39,1

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình thế giới năm 2023 chuyển biến nhanh, phức tạp, nhiều vấn đề chưa có tiền lệ, vượt dự báo; đan xen những mặt tích cực lẫn tiêu cực tác động đến việc phục hồi phát triển kinh tế, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của các quốc gia, dân tộc. Tình hình cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; xung đột Nga - U-crai-na và mới đây là xung đột I-xra-en - Hamas diễn biến phức tạp, giá dầu, lạm phát tăng cao, kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, thương mại và đầu tư sụt giảm tạo ra những thách thức, rủi ro cho kinh tế thế giới và ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu.

Trong nước, tình hình kinh tế - xã hội vẫn giữ được đà tăng trưởng nhưng đã chậm lại. GDP năm 2023 ước tính tăng 5,05% so với năm 2022, thấp hơn mức 8,0% trong năm 2022 và không đạt mục tiêu tăng trưởng GDP 6,5% do Chính phủ đề ra. Với những đặc thù riêng, ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm Cao su nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Cao su Sao Vàng còn gặp nhiều khó khăn như:

- Sự cạnh tranh khốc liệt các sản phẩm sẫm lốp nói chung của không chỉ các doanh nghiệp trong nước mà cả các doanh nghiệp nước ngoài tràn ngập thị trường Việt Nam.
- Xu hướng chuyển đổi lốp ô tô từ bias sang radial trong khi Công ty chưa sản xuất được dòng sản phẩm này.
- Rào cản kỹ thuật, cũng như suy giảm nhu cầu ở thị trường quốc tế làm giảm sản lượng xuất khẩu ở thị trường quốc tế, trong khi các nước gia tăng tiêu chuẩn, hàng rào mới đối với xuất khẩu.

Những khó khăn trên đã ảnh hưởng lớn đến khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường, ảnh hưởng đến việc tăng doanh thu và sản lượng tiêu thụ, tuy nhiên với sự chỉ đạo sâu sát, kịp thời, khoa học của Hội đồng quản trị, với sự nỗ lực cố gắng của Ban điều hành và toàn thể CBCNV trong Công ty trong năm qua đã đạt được một số kết quả rất tích cực.



TỔ CHỨC VÀ CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Trong năm 2023, lao động toàn Công ty có 767 người (31/12/2023), trong đó nhân viên quản lý là 174 người

STT	Tiêu chí	ĐVT	Năm 2023
I			
Theo trình độ lao động			
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	Người	149
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	Người	114
3	Lao động phổ thông	Người	504
II			
Theo đối tượng lao động			
1	Lao động toàn thời gian	Người	767
2	Lao động bán thời gian	Người	
III			
Theo giới tính			
1	Nam	Người	529
2	Nữ	Người	238
Tổng cộng		Người	767

Năm 2023, số lượng lao động của Tổng công ty giảm so với năm 2022 là 33 lao động, toàn bộ là lao động làm việc toàn thời gian. Cán bộ, nhân viên của SRC có trình độ từ cao đẳng trở lên chiếm tỷ lệ đến 34,28% tổng số lao động, thể hiện rõ chủ trương tập trung nâng cao chất lượng của nguồn nhân lực để phát triển doanh nghiệp của Công ty. Cơ cấu lao động theo giới tính của SRC không có quá nhiều biến động trong năm 2023 với tỷ lệ lao động nữ luôn ở trên mức 30%, phù hợp với chủ trương bình đẳng giới trong các chính sách nhân sự của Công ty.



Những thay đổi trong ban điều hành:

Không có

Chính sách đối với người lao động

Về chính sách đối với người lao động, SRC luôn thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo đúng Luật Lao động và các quy định của Nhà nước.

Chính sách tiền lương, thưởng: Người lao động được hưởng các chế độ lương, thưởng theo vị trí công việc, mức độ hoàn thành công việc và kết quả kinh doanh của Công ty, đảm bảo cạnh tranh thị trường, động viên khích lệ người lao động tăng năng suất và hiệu quả công việc, đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước.

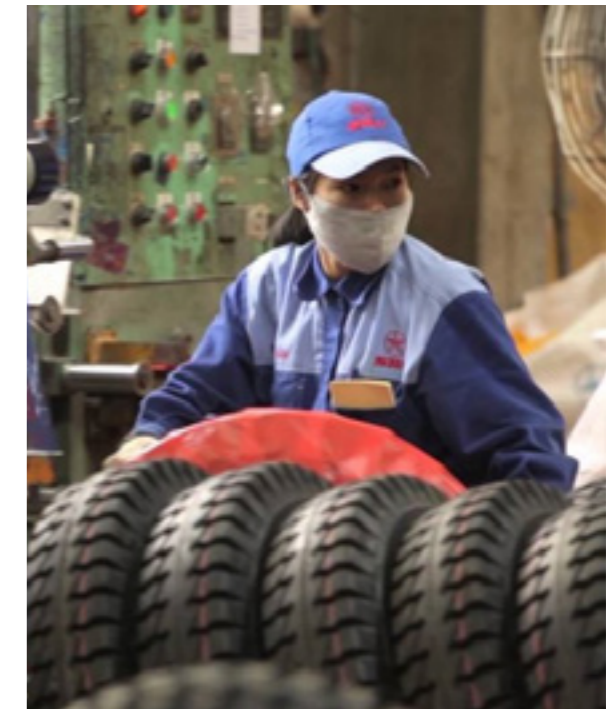
Chế độ bảo hiểm: Được thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước.

Chế độ phúc lợi: Người lao động được trợ cấp khi gia đình hoặc bản thân đau ốm, có việc hiếu, hỷ; được tặng quà hiện vật vào các ngày lễ, tết, ngày kỷ niệm...

Chế độ chăm sóc sức khỏe: Người lao động được khám sức khỏe định kỳ hàng năm.

Chính sách đào tạo: Công ty có kế hoạch đào tạo hàng năm cho cán bộ công nhân viên (CBCNV) cụ thể theo từng chức danh, vị trí công việc, qua đó CBCNV được thường xuyên cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ.

Các chế độ khác: CBCNV luôn được Công ty tạo điều kiện trong việc cải thiện môi trường làm việc, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động....



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất săm lốp Cao Su Sao Vàng tại Hà Tĩnh

Đến thời điểm ngày 31/12/2023 Công ty CP Cao Su Sao Vàng đã góp 50% vốn tương đương 375.000.000.000 đồng, Công ty vẫn đang trong quá trình lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt. Tại thời điểm ngày 31/12/2023, Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất cho khoản góp vốn trên là 11.060.533 đồng.

Dự án di dời và sản xuất lốp Radial tại Hà Nam

Theo nghị quyết số 138/NQ-HĐQT ngày 01 tháng 11 năm 2021 của HĐQT, Công ty chấm dứt dự án đầu tư Nhà máy Cao su Sao vàng tại Hà Nam và tìm kiếm nhà đầu tư để chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng trên cơ sở thẩm định giá và bảo toàn vốn.

Dự án Đầu tư mở rộng sản xuất lốp xe máy không săm tại Xí nghiệp luyện Xuân Hòa

Đã lập xong Báo cáo khả thi, Công ty đang tiến hành xin cấp Giấy phép xây dựng các công việc khác để triển khai dự án theo đúng nghị quyết HĐQT.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

Khoản đầu tư góp vốn tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàn Sơn

Vốn điều lệ Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàn Sơn tính đến thời điểm ngày 31/12/2023 là 500 tỷ đồng, Công ty CP Cao Su Sao Vàng góp 26% tương đương 130.000.000.000 đồng.

Tại thời điểm ngày 31/12/2023 Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư góp vốn trên số tiền là: 685.119.403 đồng.

Thoái vốn toàn bộ khoản đầu tư góp tại Công ty Cổ phần Philip Carbon Black Việt Nam

Vốn góp tại Công ty CP Philip Carbon Black Việt Nam là: 8.444.062.358 đồng, ngoài ra Công ty đã ứng trước tiền góp vốn với số tiền: 2.966.978.675 đồng. Tại thời điểm ngày 31/12/2023 Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư góp vốn trên với số tiền: 2.327.756.106 đồng, Công ty đang thực hiện các công việc để thoái vốn toàn bộ khoản đầu tư này.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÓM TẮT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị	2022	2023	Tăng trưởng
Tổng giá trị tài sản	đồng	1.245.026.039.075	1.346.839.659.024	8,18%
Doanh thu thuần	đồng	915.280.821.112	1.197.750.107.492	30,86%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	đồng	34.353.507.333	37.659.544.410	9,62%
Lợi nhuận khác	đồng	3.839.076.127	1.395.533.551	-63,65%
Lợi nhuận trước thuế	đồng	38.192.583.460	39.055.077.961	2,26%
Lợi nhuận sau thuế	đồng	27.741.255.413	29.400.635.701	5,98%

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2022		2023/2022 (%)
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	621.08	68,74%	520.67	64,62%	119,28%
Nợ dài hạn	282.40	31,26%	285.02	35,38%	99,08%
Tổng nợ phải trả	903.49	100,00%	805.69	100,00%	112,14%

Về tình hình nợ của công ty trong năm 2023, tổng nợ phải trả trên 903 tỷ đồng, tăng 12,14% so với năm 2022. Trong đó nợ ngắn hạn và nợ dài hạn năm 2023 lần lượt đạt 621 tỷ đồng và 282 tỷ đồng. Cơ cấu vay nợ không có sự thay đổi đáng kể, Công ty vẫn sử dụng chủ yếu nguồn vốn vay ngắn hạn (chiếm 68,74%).

Về chất lượng nợ:

Tại thời điểm 31/12/2023, Số dư phải thu của các khoản nợ xấu là 23,88 tỷ đồng. Giá trị nợ xấu có thể thu hồi 4,2 tỷ đồng. Ban Tổng giám đốc công ty đánh giá và xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu dựa trên giá gốc trừ giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

Về nợ ngắn hạn của SRC, khoản Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn vẫn là khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tại ngày 31/12/2023 là 338,39 tỷ đồng, tăng 117 tỷ so với ngày 31/12/2022. Mục đích của các khoản vay chủ yếu để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Về nợ dài hạn, trong năm 2023, công ty đã trả khoản nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả 3,49 tỷ đồng. Công ty có vay dài hạn 130 tỷ đồng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn. Việc phản ánh khoản vay dài hạn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn – bên liên quan của Công ty để góp vốn điều lệ vào Công ty TNHH Sao Vàng – Hoàn Sơn. Thời hạn vay được điều chỉnh theo lộ trình thoái vốn của Công ty tại Công ty TNHH Sao Vàng – Hoàn Sơn. Lãi suất vay là 0%/năm.

Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: Hoạt động bán hàng của công ty chủ yếu tại thị trường nội địa, nên tỷ giá hối đoái không quá ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của công ty.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Đơn vị	2022	2023
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,02	1,02
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,40	0,65
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/tổng tài sản	%	64,71	67,08
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	183,39	203,79
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	2,47	3,74
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	0,74	0,92
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	3,03	2,45
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	6,36	6,66
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS (ROA)	%	2,23	2,27
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	3,76	3,15

Hệ số khả năng thanh toán

Trong năm 2023, hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty không đổi so với năm 2022, đạt 1,02 cho thấy khả năng sử dụng các tài sản ngắn hạn để thanh toán các nghĩa vụ nợ đến hạn trong vòng 1 năm của Công ty được đảm bảo. Hệ số thanh toán nhanh của Công ty cải thiện từ 0,40 lần trong năm 2022 lên 0,65 lần trong năm 2023. Hệ số này cho thấy Công ty có khả năng thanh toán ngay lập tức 65% giá trị các khoản nghĩa vụ nợ đến hạn trong vòng 1 năm của doanh nghiệp mà không cần phải thanh lý hàng tồn kho.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Về chỉ tiêu cơ cấu nguồn vốn, các hệ số Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn chủ sở hữu đồng loạt tăng so với năm trước, lần lượt đạt 67,08% và 203,79%. Nguyên nhân chủ yếu do Cao su Sao Vàng vẫn phải phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn vay bên ngoài, thể hiện ở chỉ số Nợ/Vốn chủ sở hữu khá cao, xấp xỉ 2 lần.

Hệ số năng lực hoạt động

Trong năm 2023, hệ số vòng quay hàng tồn kho của doanh nghiệp là 3,74 vòng tương ứng gần 98 ngày trong 1 kỳ luân chuyển hàng tồn kho, cải thiện đáng kể so với 148 ngày trong năm 2022. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc giá trị hàng tồn kho trong năm 2023 thu hẹp (chủ yếu do tồn nguyên vật liệu và tồn thành phẩm giảm mạnh), trong khi giá vốn hàng bán tăng nhanh chóng.

Bên cạnh đó, hiệu quả sử dụng tài sản được cải thiện, thể hiện qua tỷ lệ Doanh thu thuần/Tổng tài sản tăng từ 0,74 vòng trong năm 2022 lên 0,89 vòng trong năm 2023.

Hệ số khả năng sinh lời

Doanh thu trong năm 2023 của Công ty tăng mạnh trên 30%, giúp các hệ số tài chính như ROE và ROA được mở rộng so với 2022, lần lượt đạt 6,66% và ROA đạt 2,27%.

Ở chiều ngược lại, tỷ suất lợi nhuận sau thuế và tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh có xu hướng giảm, chủ yếu do chịu tác động của giá vốn hàng bán tăng cao. Cụ thể, tỷ trọng Giá vốn hàng bán/ Doanh thu thuần tăng từ 82,3% trong năm 2022 lên 86,2% trong năm 2023.

**CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU****CỔ PHẦN**

Tại ngày 31/12/2023, Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng đã phát hành 28.068.162 cổ phiếu. Trong đó:

Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu

Số cổ phần đang lưu hành: 28.065.765 cổ phiếu

Số cổ phiếu quỹ: 2.397 cổ phiếu

Mệnh giá cổ phiếu: 10,000 đồng

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU
CỔ ĐÔNG LỚN	16.990.265	60,54%
Cổ đông trong nước	16.990.265	60,54%
Cổ đông nước ngoài	0	0
CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN CHUYÊN NGHIỆP (SỞ HỮU <5%)	25.393	0,09%
Cổ đông trong nước	564	0,00%
Cổ đông nước ngoài	24.829	0,09%
CỔ PHIẾU QUỸ	2.397	0,01%
CÔNG ĐOÀN CÔNG TY	23.774	0,08%
CỔ ĐÔNG KHÁC	11.023.936	39,28%
Cổ đông trong nước	11.016.298	39,25%
Cổ đông nước ngoài	7.638	0,03%
TỔNG CỘNG	28.065.765	100%

Theo danh sách cổ đông của CTCP Cao su Sao Vàng chốt tại ngày 18/09/2023 do VSDC cung cấp.

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tại ngày 04/12/2023, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn công bố thông tin mua vào 7.207.140 cổ phiếu, qua đó nắm giữ 14.093.290 cổ phiếu, nâng tỷ lệ sở hữu từ 24,54% lên 50,22% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng.

Tên Cổ đông	Phân loại cổ đông	Số đăng ký người sở hữu	Số lượng nắm giữ
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Cổ đông lớn	0100100061	10.104.115
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn	Cổ đông nhà nước	3000244005	14.093.290

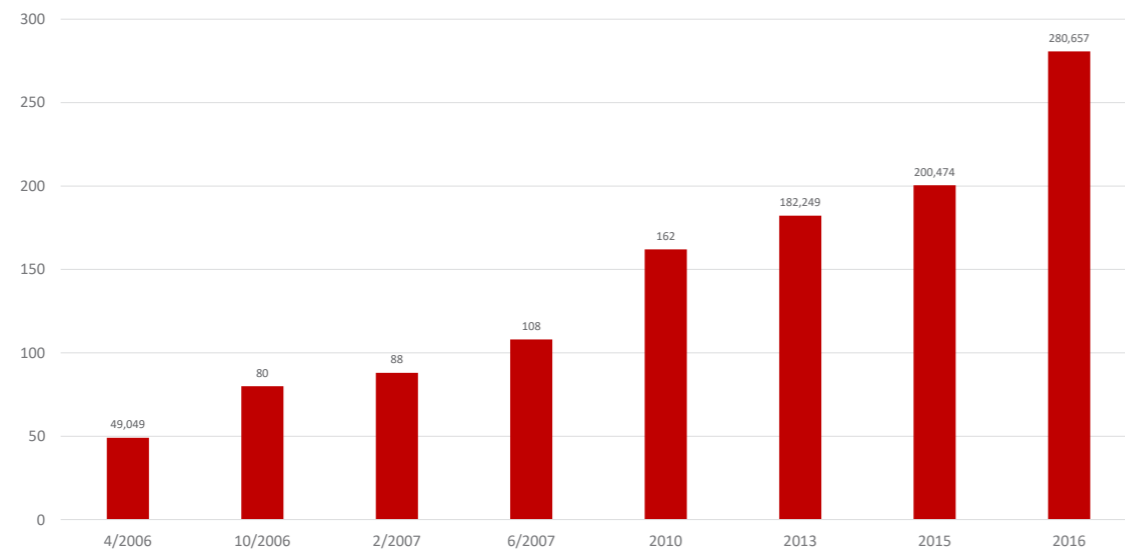
GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: Không có

THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Năm	Vốn điều lệ	Nội dung tăng vốn
4/2006	49.049.000.000	Thành lập công ty
10/2006	80.000.000.000	Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 63%
2/2007	88.000.000.000	Chia 5,48 tỷ đồng cổ tức bằng cổ phiếu (theo mức 12,3% cho 9 tháng hoạt động 2006) Thưởng 2,52 tỷ đồng bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 32:1 cho cổ đông hiện hữu từ nguồn thuế TNDN được miễn năm 2006
6/2007	108.000.000.000	Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 22,72%
2010	162.000.000.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và thưởng cho cổ đông hiện hữu
2013	182.249.940.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
2015	200.474.150.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
2016	280.657.650.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn điều lệ (tỷ đồng)



BIẾN ĐỘNG VỀ GIÁ CỦA CỔ PHIẾU TRONG NĂM 2023



Trong năm 2023, Cổ phiếu SRC có sự biến động mạnh về giá trên sàn chứng khoán. Mức giá thấp nhất là 16.500 đồng/cp. Mức giá cao nhất là 29.900 đồng/cp.



CHƯƠNG

03

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023
- Đánh giá thực hiện nhiệm vụ năm 2023
- Kế hoạch phát triển 2024
- Đánh giá của Ban điều hành liên quan đến trách nhiệm về môi trường, xã hội năm 2023



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2023

Đánh giá tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023

Tình hình thế giới năm 2023 chuyển biến nhanh, phức tạp, nhiều vấn đề chưa có tiền lệ, vượt dự báo; đan xen những mặt tích cực lẫn tiêu cực tác động đến việc phục hồi phát triển kinh tế, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của các quốc gia, dân tộc. Tình hình cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; xung đột Nga - U-crai-na và mới đây là xung đột I-xra-en - Hamas diễn biến phức tạp, giá dầu, lạm phát tăng cao, kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, thương mại và đầu tư sụt giảm tạo ra những thách thức, rủi ro cho kinh tế thế giới và ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu.

Trong nước, tình hình kinh tế - xã hội vẫn giữ được đà tăng trưởng nhưng đã chậm lại. GDP năm 2023 ước tính tăng 5,05% so với năm 2022, thấp hơn mức 8,0% trong năm 2022 và không đạt mục tiêu tăng trưởng GDP 6,5% do Chính phủ đề ra. Với những đặc thù riêng, ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm Cao su nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Cao su Sao Vàng còn gặp nhiều khó khăn như:

- Sự cạnh tranh khốc liệt các sản phẩm sẫm lốp nói chung của không chỉ các doanh nghiệp trong nước mà cả các doanh nghiệp nước ngoài tràn ngập thị trường Việt Nam.
- Xu hướng chuyển đổi lốp ô tô từ bias sang radial trong khi Công ty chưa sản xuất được dòng sản phẩm này.
- Rào cản kỹ thuật, cũng như suy giảm nhu cầu ở thị trường quốc tế làm giảm sản lượng xuất khẩu ở thị trường quốc tế, trong khi các nước gia tăng tiêu chuẩn, hàng rào mới đối với xuất khẩu.

Những khó khăn trên đã ảnh hưởng lớn đến khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường, ảnh hưởng đến việc tăng doanh thu và sản lượng tiêu thụ, tuy nhiên với sự chỉ đạo sâu sát, kịp thời, khoa học của Hội đồng quản trị, với sự nỗ lực cố gắng của Ban điều hành và toàn thể CBCNV trong Công ty trong năm qua đã đạt được một số kết quả rất tích cực thể hiện qua các mặt sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2023	Thực hiện năm 2023	% so với KH năm 2023	% so với thực hiện năm 2022
I- Giá trị sản xuất CN (theo giá CĐ 1994)	Tỷ đồng	350	264,3	75,5	85,6
II- Giá trị sản xuất CN (theo giá thực tế)	Tỷ đồng	1024	800,9	78,2	89
III- Doanh thu tiêu thụ	Tỷ đồng	2000	1234,5	61,7	128,7
Trong đó: DT SXCN		970	835,1	86,1	90,9
DT thương mại, DT khác	%	1030	399,4	38,8	986,2
IV- Lợi nhuận trước thuế	%	100	39,1	39,1	102,4
V- Sản phẩm sản xuất chủ yếu					
1- Lốp xe đạp	Chiếc	5.100.000	4.042.364	79,3	113,2
2- Săm xe đạp	Chiếc	5.000.000	4.018.777	80,4	93,8
3- Lốp xe máy	Chiếc	1.440.000	1.068.640	74,2	89,9
4- Săm xe máy	Chiếc	5.600.000	4.074.568	72,8	73,0
5- Lốp ô tô	Chiếc	230.000	170.648	74,2	73,8
6- Săm ô tô	Chiếc	240.000	151.856	63,3	94,0
7- Yếm ô tô	Chiếc	120.000	78.692	65,6	127,2
VI- Sản phẩm tiêu thụ chủ yếu					
1- Lốp xe đạp	Chiếc	4.482.625	4.229.731	94,4	109,7
2- Săm xe đạp	Chiếc	4.246.250	4.048.114	95,3	95,6
3- Lốp xe máy	Chiếc	1.336.361	1.099.040	82,2	91,6
4- Săm xe máy	Chiếc	5.479.085	4.748.204	86,7	89,4
5- Lốp ô tô	Chiếc	229.805	193.775	84,3	87,2
6- Săm ô tô	Chiếc	180.991	165.283	91,3	92,9
7- Yếm ô tô	Chiếc	88.032	72.197	82	104,0

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2023

Các mặt đã làm được

- Tập thể lãnh đạo Công ty, Ban điều hành, cán bộ quản lý trong Công ty nhận thức rõ và đề ra các biện pháp từng bước giải quyết khắc phục các yếu kém tồn tại trong công tác quản trị Công ty như: khả năng cạnh tranh, vấn đề chất lượng sản phẩm, giá thành, đa dạng hóa sản phẩm, công tác thị trường trong nước và xuất khẩu.
- Tiếp tục tăng cường các biện pháp quản lý chi phí, tiết kiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm điều chỉnh giá thành sản phẩm phù hợp với thị trường, hợp lý hóa sản xuất. Tổ chức, bổ sung các quy định quy chế hiện có để kiểm soát việc mua bán nguyên vật liệu, vật tư, phụ tùng. Đảm bảo quá trình xét duyệt đúng quy định, quy chế mua sắm vật tư đã ban hành. Chỉ đạo các bộ phận chuyên môn tích cực tìm thêm các nhà cung cấp mới, nhà cung cấp trong nước các vật tư phục vụ sản xuất đảm bảo chất lượng và giá cả cạnh tranh.
- Với những khó khăn trong công tác tiêu thụ, Ban điều hành đã tập trung chỉ đạo xây dựng kế hoạch, mục tiêu cho từng tháng, từng quý và phần đầu thực hiện. Tiếp tục rà soát, tổ chức lại hệ thống đại lý tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước. Tổ chức triển khai thực hiện các phương án tiếp cận khách hàng mới nhằm đạt các mục tiêu kế hoạch đề ra ở mức cao nhất có thể.
- Coi trọng công tác thực hiện định mức vật tư, luôn cập nhật hoàn thiện bộ định mức, kiểm điểm định mức hàng tháng, đề ra biện pháp khắc phục kịp thời các sai lệch, yếu kém trong xây dựng và quản lý thực hiện định mức vật tư tại các đơn vị.

Các mặt tồn tại trong công tác điều hành

Chưa khắc phục triệt để các nguyên nhân làm giảm chất lượng lốp (Độ mài mòn nhanh, bật tanh)
Công tác nghiên cứu phát triển sản xuất sản phẩm mới chưa đáp ứng được yêu cầu thị trường.

Công tác tổ chức nhân sự và lao động tiền lương

- Công ty luôn chú trọng đến công tác xây dựng tiền lương, đơn giá tiền lương, đảm bảo ổn định thu nhập và ngày càng được cải thiện tạo tiền đề cho người lao động yên tâm công tác, nâng cao năng suất lao động và đảm bảo chất lượng sản phẩm.
- Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách theo qui định đối với người lao động.
- Tổ chức thực hiện triển khai công tác Bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh môi trường theo đúng các quy định của Nhà nước và Công ty.
- Trong năm 2023, lao động toàn Công ty có 767 người tính đến ngày 31/12/2023.
- Thu nhập bình quân thực tế 1 tháng năm 2023 của người lao động là: 9,4 triệu đồng/tháng.



Công tác thị trường

Thị trường nội địa:

- Căn cứ kết quả tiêu thụ năm 2023 thì doanh thu nội địa giảm 12% trong đó ngành hàng sẫm, lốp xe đạp xe máy giảm 7%, ngành hàng sẫm lốp ô tô giảm 21% theo kết quả đó thì ngành hàng xe đạp xe máy ít bị ảnh hưởng, đặc biệt sẫm, lốp xe đạp về số lượng tiêu thụ tương đương cùng kỳ - đây là điểm sáng trong tiêu thụ sản phẩm của Công ty trong năm 2023 đầy khó khăn.
- Ngành hàng ô tô suy giảm 21% đây là hệ quả ảnh hưởng chung của toàn thị trường nhưng cũng thể hiện sự suy giảm lớn đối với lốp ô tô src
- Trong năm 2023 doanh số ô tô giảm 21% thể hiện sự khó khăn rất lớn của tình hình tiêu thụ ô tô nói chung và SRC nói riêng. Trong khi nền kinh tế trì trệ, các doanh nghiệp không có đơn hàng phải tiết giảm sản xuất ngay từ những tháng quý 2/2023 nên vận tải đình trệ, xe không có việc, xe mới không bán được, kinh tế khó khăn nên tiêu thụ lốp ô tô ảnh hưởng nghiêm trọng, đặc biệt là lốp ô tô tải nặng.
- Về phía thị trường xe đạp xe máy năm 2023 có khó khăn tuy nhiên ít khó khăn hơn so với ngành hàng ô tô. Trên tổng quan thị trường nói chung cũng như chất lượng sẫm, lốp xe đạp, xe máy ổn định cộng với giá cả cạnh tranh nên sẫm, lốp xe đạp không bị suy giảm còn sẫm, lốp xe máy chỉ giảm gần 7% nên cơ bản chúng ta vẫn duy trì được thị trường; Điểm sáng trong tiêu thụ năm 2023 là tăng trưởng tiêu thụ lốp xe điện không sẫm: tiêu thụ tăng 28.467 chiếc (tăng 37%) mặc dù chúng ta đến tháng 10/2023 mới tăng được sản xuất nhưng cũng đã có tăng trưởng ấn tượng tuy nhiên từ quý 4/2023 hệ thống lắp ráp xe điện gần như dừng sản xuất nhưng chúng ta vẫn đảm bảo tiêu thụ trung bình 10.000 lốp xe điện trên hệ thống đại lý nên phần nào cũng góp phần ổn định sản xuất của Công ty.
- Sẫm xe máy Butyl năm 2023 suy giảm 79% so với năm 2022 sự khác biệt ở chỗ năm 2022 chúng ta có giao kế hoạch đến từng đại lý mua hàng cộng thêm có chương trình ký cộng tác viên với nhân viên đại lý còn trong năm 2023 chúng ta bỏ giao và cộng tác viên nên đại lý không chủ động mua hàng do vậy lượng tiêu thụ suy giảm rõ rệt.

Thị trường Xuất khẩu:

- + Căn cứ kết quả Xuất khẩu năm 2023, doanh thu xuất khẩu tăng 6% so với năm 2022 nhờ sự tăng trưởng của mặt hàng lốp xe đạp; Doanh thu Xuất khẩu năm 2023 đạt 6,7 triệu USD
- + Mặc dù năm 2023 là năm khó khăn cho hoạt động XNK hàng hóa, tuy nhiên phòng XK vẫn phát triển thêm được khách hàng ở các thị trường Trung Đông để góp phần phát triển thương hiệu SRC, tăng doanh thu.



Công tác tài chính

- Thực hiện và kiểm tra việc ghi chép số liệu kế toán đảm bảo tính toán và phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản và các hoạt động kinh tế tài chính tại Công ty và các tổ chức, đơn vị cơ sở trực thuộc Công ty trên các chứng từ, sổ sách kế toán vào các báo cáo tài chính.
- Làm tốt công tác huy động vốn, sử dụng hợp lý các nguồn vốn như vốn đầu tư của các cổ đông, lựa chọn phương án đầu tư, lựa chọn Ngân hàng có cơ chế và lãi suất hợp lý... đảm bảo nguồn vốn của Công ty luôn được bảo toàn và phát triển.
- Chấp hành nghiêm chỉnh việc tính toán đầy đủ, kịp thời đúng chính sách, chế độ của Nhà nước ban hành về các khoản thuế phải nộp ngân sách. Giải quyết đúng chính sách với người lao động.
- Kiểm tra giám sát việc thu chi tài chính, việc sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn và sự biến động tăng giảm của các loại tài sản, vật tư tiền vốn tại Công ty và các đơn vị cơ sở trực thuộc công ty. Phát hiện các vi phạm nguyên tắc quản lý kinh tế tài chính trong Công ty và các đơn vị cơ sở trực thuộc Công ty. Báo cáo và đề xuất với lãnh đạo Công ty các biện pháp xử lý theo đúng quy định hiện hành.
- Lập báo cáo tài chính toàn Công ty, chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của báo cáo tài chính, gửi báo cáo tài chính cho các cơ quan chức năng quản lý nhà nước theo quy định do Bộ Tài chính ban hành.
- Cùng với phòng ban nghiệp vụ trong toàn Công ty tham gia tiến hành việc đối chiếu và thu hồi công nợ, phát huy đầy đủ tính tự chủ trong sản xuất kinh doanh và hoạt động tài chính của Công ty.

Công tác khoa học kỹ thuật, chất lượng

Năm 2023, Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, tích cực tìm kiếm, khai thác, nghiên cứu, thử nghiệm và áp dụng đưa vào sản xuất các loại vật liệu mới, thay đổi đơn pha chế, hợp lý hóa nguyên vật liệu và kết cấu sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty. Cụ thể:

- Giải quyết dứt điểm hiện tượng lòi tanh ở lớp từ 900-20 trở lên.
- Giải quyết hoàn toàn lỗi nứt ở lớp dọc vành 16.
- Khảo sát và điều chỉnh và ban hành định mức nguyên vật liệu cho các sản phẩm cao su, tính toán thi công và định mức làm cơ sở chào giá các sản phẩm sẫm lớp xuất khẩu và cao su kỹ thuật.
- Phối hợp với các đơn vị sản xuất trong Công ty xử lý và khắc phục kịp thời các biến động trong sản xuất, giám sát quá trình sản xuất giảm tỷ lệ phế và sản phẩm lỗi ra thị trường.



Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và công tác cơ điện

Công tác quản lý sử dụng vật tư, linh kiện, phụ tùng cơ điện được giám sát chặt chẽ từ việc nhập, xuất cấp phát, đáp ứng cho việc bảo dưỡng sửa chữa thiết bị, chủ động trong việc chuẩn bị các vật tư, phụ tùng dự phòng hợp lý nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng.

Công tác ATLĐ - VSCN - PCCN và công tác môi trường

Trong năm 2023, công tác ATLĐ - VSCN - PCCN đã được Công ty thực hiện đầy đủ chế độ theo đúng quy định của pháp luật.

- Thông qua các đợt huấn luyện định kỳ, huấn luyện mới để phổ biến các chế độ chính sách của cơ quan nhà nước về công tác AT-VSLĐ cho người lao động. Chỉ ra cho người lao động các mối nguy hiểm, các nguy cơ tiềm ẩn trong dây chuyền sản xuất và các biện pháp để phòng tránh, nhằm hạn chế tai nạn lao động xảy ra trong quá trình làm việc.
- Công tác PCCN thường xuyên được kiểm tra đảm bảo quy trình, quy định. Tổ chức huấn luyện nghiệp vụ cho CBCNV công ty nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm cũng như nghiệp vụ thực tập phương án PCCN theo kế hoạch của Cảnh sát PCCC.
- Xây dựng kế hoạch và tham gia cùng Hội đồng ATVSLĐ của Công ty tiến hành kiểm tra công tác ATVSLĐ tại các đơn vị trong Công ty định kỳ 3 tháng/lần để đánh giá tình hình thực hiện các mặt của công tác ATVSLĐ, phát hiện những tồn tại, đề xuất các biện pháp khắc phục.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

Chỉ tiêu	Đơn vị	KẾ HOẠCH 2024	SO VỚI THỰC HIỆN 2023 (%)
I- Giá trị sản xuất CN (theo giá CĐ 1994)	Tỷ đồng	350	132,4
II- Giá trị sản xuất CN (theo giá thực tế)	Tỷ đồng	1010	126,1
III- Doanh thu tiêu thụ	đồng	2000	162
Trong đó: DT SXCN	đồng	970	116,2
DT thương mại, DT khác	đồng	1030	257,9
IV - Lợi nhuận trước thuế	đồng	100	255,8

Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2024	% so với TH năm 2023 (SX)	% so với TH năm 2023 (TT)
V- Sản phẩm sản xuất chủ yếu				
1- Lớp xe đạp	Chiếc	5.000.000	123,7	118,2
2- Săm xe đạp	Chiếc	4.500.000	112	111,2
3- Lớp xe máy	Chiếc	1.440.000	140,4	136,5
4- Săm xe máy	Chiếc	5.500.000	135	115,8
5- Lớp ô tô	Chiếc	216.000	126,6	111,5
6- Săm ô tô	Chiếc	210.000	138,3	127,1
7- Yếm ô tô	Chiếc	110.000	139,8	152,4

Tình hình sản xuất kinh doanh hiện tại và những khó khăn trong thời gian tới

Dự báo năm 2024 tình hình kinh tế và chính trị - an ninh thế giới vẫn diễn biến phức tạp khó lường. Kinh tế trong nước áp lực lạm phát, tỷ giá, lãi suất cao, thị trường tiền tệ, trái phiếu doanh nghiệp... còn tiềm ẩn rủi ro. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn những khó khăn, thách thức như giá vật liệu đầu vào tăng cao ảnh hưởng lớn đến giá bán, cạnh tranh quyết liệt với các nhà sản xuất trong nước và nước ngoài và đặc biệt Công ty chưa có sản phẩm lốp Radial.

Một số giải pháp chủ yếu

Công tác quản trị doanh nghiệp

Thực hiện nghiêm Nghị quyết của HĐQT trong việc điều hành, chỉ đạo sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cao nhất.

Chỉ đạo phối hợp tốt giữa các đơn vị trong Công ty đẩy nhanh việc nghiên cứu và triển khai sản xuất thêm các sản phẩm mới, sản phẩm cải tiến nhằm đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng các yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu, tăng doanh thu bán hàng.

Phát huy tối đa việc bố trí hợp lý các dây chuyền sản xuất, năng lực trang thiết bị, giữ ổn định đội ngũ lao động, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động trên cơ sở hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm. Thực hiện tốt công tác tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất kinh doanh.

Tập trung đảm bảo ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm trong quản lý điều hành tại các đơn vị trong Công ty, khắc phục những tồn tại về mặt chất lượng sản phẩm đã được khách hàng phản ánh nhằm nâng cao uy tín thương hiệu Công ty và nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm..

Tăng cường quản lý, giám sát đối với các đơn vị trong việc thực hiện các quy định về quản lý lao động, quản lý định mức vật tư, nguyên liệu, năng lượng, tích cực tìm kiếm và triển khai thực hiện các giải pháp nhằm giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Phần đầu đạt chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận ở mức cao nhất.

Quan tâm phát triển nguồn nhân lực, xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo nguồn lực thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty

Công tác cơ điện, năng lượng

Rà soát, hoàn thiện Quy chế hoạt động Cơ điện, thực hiện tốt công tác quản lý sử dụng thiết bị, định mức chế tạo sửa chữa máy móc thiết bị, phụ tùng.

Thực hiện tốt công tác quản lý thiết bị, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên, đảm bảo phục vụ sản xuất tốt. Theo dõi tình trạng thiết bị, kịp thời sửa chữa thiết bị đáp ứng nhu cầu sản xuất.

Đánh giá nhận diện khắc phục ngay các điểm gây lãng phí năng lượng (điện, hơi nóng, khí nén), đặt mục tiêu giảm chi phí tiêu hao năng lượng năm sau so với năm trước khoảng 2%.

Công tác bán hàng

Tăng cường công tác quảng bá thương hiệu, xây dựng chính sách bán hàng phù hợp đối với từng ngành hàng, từng khu vực thị trường nhằm duy trì và phát triển tiêu thụ những sản phẩm đang có thế mạnh tại thị trường nội địa, phần đầu đạt và vượt kế hoạch doanh thu đã đề ra theo từng tháng, quý và cả năm.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống phân phối sản phẩm trên toàn quốc. Tái cơ cấu hệ thống phân phối tại một số tỉnh miền Bắc và miền Nam.

Kiện toàn, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ bán hàng nhằm nâng cao khả năng hoạt động và hiệu quả công việc.

Tiếp tục đầu tư đẩy mạnh công tác xuất khẩu, đồng thời phải tăng cường công tác dịch vụ sau bán hàng, giữ vững thị phần ở các thị trường cũ và khai thác thêm thị trường mới.

Kết hợp với phòng tài chính xây dựng giá bán cạnh tranh cho từng thị trường.

Công tác lao động tiền lương

Thường xuyên rà soát và hoàn thiện công tác định biên, định mức lao động, tiền lương. Từ đó xây dựng mới hoặc điều chỉnh cho phù hợp chi phí tiền lương đối với từng đơn vị, từng sản phẩm trong Công ty.

Xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực năm 2024 đạt hiệu quả cao nhất. Kết hợp với các đơn vị tìm giải pháp ngăn chặn việc sụt giảm lao động.

Thực hiện tốt hơn nữa công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động/ khám sức khỏe định kỳ, giải quyết các chế độ đúng quy định

Công tác tài chính

Phát huy chức năng, nhiệm vụ của công tác Tài chính và Luật kế toán trong kiểm soát nội bộ, kiểm soát các chi phí hoạt động của Công ty nhằm nhận diện và đề xuất những biện pháp phòng ngừa rủi ro, chống lãng phí, đảm bảo chi phí hợp lý, hợp lệ nhằm hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm SRC.

Kiểm soát chặt chẽ thu chi, công nợ, thanh toán phối hợp với phòng TTBH hạn chế tối đa phát sinh nợ khó đòi trong công nợ của khách hàng.

Chuẩn bị Báo cáo tài chính năm, Tờ trình phân phối lợi nhuận và các báo cáo khác trình Đại hội đồng cổ đông.

- Tư vấn, tham mưu cho lãnh đạo Công ty các biện pháp quản lý tài chính, tiết giảm chi phí, giá thành sản phẩm.



Công tác khoa học kỹ thuật và bảo đảm chất lượng

Nghiên cứu cải thiện chất lượng lốp ô tô với các nội dung chính: Cải thiện khả năng chịu mòn của lốp, cải thiện hiện tượng nứt rãnh hoa đối với lốp hoa dọc, nâng cao chất lượng ngoại quan, giảm tỷ lệ sửa chữa lốp.

Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015. Nghiên cứu hợp lý và tối ưu hoá các đơn pha chế nhằm hợp lý hoá chi phí nguyên vật liệu, tiết giảm chi phí.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

Hoàn thành việc lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm các thiết bị lẻ năm 2024 kịp thời phục vụ sản xuất tại Hà Nội, Thái Bình, Xuân Hòa.

Triển khai Dự án xây dựng nhà máy mới và di dời sản xuất từ nhà máy cũ về địa điểm mới.

Công tác khác

Phối hợp với các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn thanh niên xây dựng các chương trình hành động cụ thể, thiết thực, phát động các phong trào thi đua lao động sản xuất, phong trào lao động sáng tạo, tập hợp ý tưởng, cải tiến hợp lý hóa, áp dụng khoa học tiên tiến hiện đại vào sản xuất, thực hành tiết kiệm, giảm chi phí nhằm hạ giá thành, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm và động viên CBCNV tích cực lao động sản xuất hoàn thành nhiệm vụ năm 2024.

Thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ. Khen thưởng động viên kịp thời các bộ phận, cá nhân có thành tích cao trong lao động sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Tiếp tục đầu tư cải thiện môi trường làm việc, chăm lo sức khỏe cho người lao động. Xây dựng môi trường lao động sản xuất thực sự xanh - sạch - đẹp, văn minh hiện đại.

Với truyền thống Sao Vàng, bằng nỗ lực phấn đấu của tất cả CBCNV, chúng ta tin tưởng trong thời gian tới, Công ty sẽ đoàn kết vượt qua khó khăn, hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2024, đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động, tạo tiền đề cho Công ty phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.



ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI NĂM 2023

Đánh giá các hoạt động liên quan đến cộng đồng – xã hội

Công ty luôn ý thức được để phát triển bền vững, cần nâng cao trách nhiệm, đóng góp của mình với cộng đồng địa phương. Điều đó thể hiện thông qua việc phối hợp với các cơ quan địa phương để phòng chống dịch bệnh, thực hiện đúng các quy định của pháp luật về môi trường, kinh doanh, đảm bảo cuộc sống cho người lao động. Công ty luôn hành động để hướng tới mục tiêu cống hiến cho xã hội, ngày càng hoàn thiện hơn và hướng tới phát triển bền vững của xã hội và Công ty.



Đánh giá các hoạt động liên quan đến môi trường

Toàn thể công ty nỗ lực thực hiện các chính sách về bảo vệ môi trường, với tiêu chí phát triển bền vững và có trách nhiệm với môi trường, cộng đồng xung quanh.

Công ty đã có những chính sách tái sử dụng nguyên vật liệu, đẩy mạnh công tác xử lý chất thải, nước thải từ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của cán bộ công nhân viên theo đúng quy trình, quy định của pháp luật. Ngoài ra, công ty cũng tích cực tuyên truyền, vận động nhằm biến nhận thức bảo vệ môi trường thành ý thức tự giác và hành động cụ thể ở từng cán bộ công nhân viên, từng bước trong quy trình sản xuất.

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng thực hiện quan trắc, kiểm tra chất lượng nước thải hàng quý, kết quả quan trắc cho thấy công đang thực hiện các mục tiêu bảo vệ môi trường, kiểm soát chất lượng nước thải theo đúng quy định của pháp luật. Ý thức được tầm quan trọng của bảo vệ môi trường, công ty cũng tích cực đầu tư nghiên cứu làm mới sản phẩm theo hướng bảo vệ môi trường, có thể tái sử dụng.



Đánh giá các hoạt động liên quan đến người lao động

Xác định con người là nhân tố cốt lõi thúc đẩy phát triển bền vững của doanh nghiệp nên ngay từ ngày đầu thành lập, SRC đã nỗ lực đem lại cho CBCNV môi trường làm việc tốt, đời sống trong doanh nghiệp phong phú cả về vật chất và tinh thần.

Để đảm bảo an toàn lao động cho CBCNV: CBCNV được trang bị dụng cụ bảo hộ lao động đạt tiêu chuẩn, được kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm để hạn chế tối đa rủi ro cũng như phát hiện, điều trị kịp thời bệnh nghề nghiệp; Khu nhà văn phòng, nhà máy sản xuất được trang bị hệ thống chống cháy, báo cháy, bình chữa cháy, vòi nước... nhằm ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp.

Người lao động tại công ty được tham gia đủ các loại bảo hiểm, gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cũng như quyền lợi về tiền lương, thưởng, chế độ nghỉ phép hằng năm. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên có chương trình đào tạo người lao động giúp họ nâng cao tay nghề cũng như các chính sách lương thưởng nhằm khích lệ tinh thần làm việc của người lao động.



CHƯƠNG

04 | BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về mọi mặt hoạt động của Công ty
- Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành
- Kế hoạch cổ tức năm 2024
- Kế hoạch của Hội đồng quản trị năm 2024

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Tình hình thế giới năm 2023 chuyển biến phức tạp từ xung đột quân sự giữa Nga và U-crai-na, giá dầu tăng, lạm phát tăng cao tạo ra những thách thức, rủi ro cho kinh tế thế giới và ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu. Vượt qua khó khăn chung, Công ty cổ phần Cao su Sao Vàng vẫn duy trì tốt hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo công việc và thu nhập cho người lao động và hoàn thành các nhiệm vụ được Đại hội cổ đông giao.

Với những đặc thù riêng, ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm Cao su nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng nói riêng còn gặp nhiều khó khăn như:

- Sự cạnh tranh khốc liệt giữa các sản phẩm sẫm lốp trong và ngoài nước diễn biến mạnh.
- Xu hướng chuyển đổi lốp ô tô từ bias sang radial trong khi Công ty chưa sản xuất được dòng sản phẩm này.
- Lốp xe máy không sẫm dẫn thay thế lốp có sẫm. Công ty đã sản xuất lốp không sẫm tuy nhiên chủng loại còn chưa đa dạng, phong phú và sản lượng chưa đáp ứng được nhu cầu thị trường.
- Rào cản kỹ thuật làm giảm sản lượng xuất khẩu do Công ty chưa được cấp chứng nhận chất lượng GSO để xuất khẩu sản phẩm sang các nước Trung đông.

Những khó khăn trên đã ảnh hưởng lớn đến khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường, ảnh hưởng đến việc tăng doanh thu và sản lượng tiêu thụ, tuy nhiên với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, với sự nỗ lực cố gắng của Ban điều hành và toàn thể CBCNV, trong năm qua công ty đã đạt được một số kết quả rất tích cực thể hiện qua các mặt sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023	Thực hiện	So sánh (%)
Giá trị sản xuất CN				
• Theo giá cố định 1994	Tỷ đồng	350	264,3	75,5
• Theo giá thực tế	Tỷ đồng	1.010	800,9	78,2
Doanh thu tiêu thụ	Tỷ đồng	2.000	1234,5	61,7
Trong đó:				
• Doanh thu SXCN	Tỷ đồng	970	835,1	86,1
• Doanh thu thương mại	Tỷ đồng	1.030	399,4	38,8
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	100	39,1	39,1

Nhận xét:

- Nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự sụt giảm của chỉ tiêu này do sự suy thoái kinh tế toàn cầu dẫn đến tiêu thụ giảm làm ảnh hưởng đến sản lượng sản xuất của toàn Công ty.
- Tuy giá trị doanh thu Sản xuất công nghiệp chỉ 835,1 tỷ đạt 86,1% và lợi nhuận trước thuế đạt 39,1 tỷ đạt 39,1 % so với kế hoạch nhưng đó là cả sự nỗ lực điều hành và bám sát thị trường của HĐQT và Ban lãnh đạo công ty kịp thời nhằm có những chính sách giá bán phù hợp với từng giai đoạn giữa bối cảnh rất khó khăn của thị trường do biến động của giá nguyên vật liệu tăng cao, sức tiêu thụ sản phẩm giảm, chi phí vận chuyển tăng.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

- Căn cứ vào các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đối với các hoạt động giám sát, chỉ đạo và đưa ra các nghị quyết, quyết định.
- Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức họp 8 phiên và nhiều lần lấy ý kiến thành viên HĐQT. Căn cứ vào kết quả các cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản, thay mặt HĐQT, chủ tịch HĐQT đã ký ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh, quyết định phê duyệt, quyết định khác... Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên và phù hợp với Điều lệ Công ty.
- Các phiên họp của HĐQT đều được triệu tập, tổ chức theo đúng quy định, các nội dung biểu quyết đều đạt đồng thuận cao, các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự.
- Ngoài ra, các phiên họp quan trọng HĐQT đều mời Ban kiểm soát, thủ trưởng các đơn vị, Chi nhánh, Xí nghiệp trong Công ty tham dự để tham khảo ý kiến, bổ sung thông tin đảm bảo các nghị quyết, quyết định của HĐQT kịp thời, có sự đồng thuận cao và đạt mục tiêu tạo điều kiện cho Ban điều hành hoạt động tốt hơn, đem lại hiệu quả cho Công ty.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Với mục tiêu đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị tổ chức chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban điều hành trong việc thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí sản xuất, nâng cao công tác quản trị, nâng cấp chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh công tác bán hàng.

Phát huy tối đa việc bố trí hợp lý các dây chuyền sản xuất, năng lực trang thiết bị, giữ ổn định đội ngũ lao động, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động trên cơ sở hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm. Thực hiện tốt công tác tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất kinh doanh

Qua quá trình kiểm điểm công tác, cho thấy Ban điều hành đã triển khai thực hiện các nghị quyết và kết luận của Hội đồng quản trị với nỗ lực cao đáng ghi nhận.

Ban điều hành, cán bộ quản lý trong công ty nhận thức rõ và đã tập trung giải quyết khắc phục các yếu kém về khả năng cạnh tranh, vấn đề chất lượng sản phẩm, giá thành, đa dạng hóa sản phẩm, công tác thị trường trong nước và xuất khẩu trong công tác quản trị Công ty.

Đẩy mạnh công tác tiêu thụ sản phẩm, Ban điều hành đã tập trung chỉ đạo xây dựng kế hoạch và mục tiêu cho từng tháng. Từng bước khắc phục tồn tại, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm SRC. Tổ chức triển khai thực hiện phần đầu nhằm đạt các mục tiêu kế hoạch đề ra ở mức cao nhất có thể.

Thường xuyên rà soát bổ sung các quy định, quy chế hiện có nhằm kiểm soát chặt chẽ việc mua bán, xuất nhập phụ tùng, vật tư, nguyên vật liệu, đảm bảo quá trình xét duyệt đúng quy định, quy chế mua sắm vật tư đã ban hành.

Coi trọng công tác thực hiện mức vật tư, luôn cập nhật hoàn thiện bộ định mức, kiểm điểm định mức hàng tháng, đề ra biện pháp khắc phục kịp thời các sai lệch, yếu kém trong xây dựng và quản lý thực hiện định mức vật tư tại các đơn vị. Tuy nhiên, trong hoạt động của Ban điều hành vẫn có những tồn tại sau:

- Công tác điều hành quản lý trực tiếp tại các xí nghiệp sản xuất có lúc còn chậm. Bộ máy quản lý lao động, quản lý công nghệ ở một vài đơn vị có lúc chưa đáp ứng được yêu cầu.
- Bố trí lao động tại một số bộ phận, dây chuyền sản xuất tiếp tục bị mất cân đối do biến động giảm về quy mô sản xuất, cơ cấu sản phẩm bị thay đổi nhiều dẫn đến năng suất lao động chưa cao.
- Công tác kỹ thuật chưa sâu sát, chưa quyết liệt khắc phục triệt để các nguyên nhân làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.
- Công tác phát triển sản xuất sản phẩm mới còn chậm, chưa theo kịp nhu cầu thị trường.

DỰ KIẾN CỔ TỨC NĂM 2023

Căn cứ vào kết quả SXKD năm 2023, HĐQT Công ty đã họp và thống nhất trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 xem xét không thực hiện chi trả cổ tức năm 2023.

KẾ HOẠCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

Trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế Thế giới và Việt Nam, căn cứ kế hoạch phát triển Công ty năm 2024. Hội đồng quản trị thống nhất đề xuất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 và phương hướng quản trị, điều hành gồm một số nội dung chính như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2024	So với thực hiện năm 2023 (%)
Giá trị sản xuất CN			
• Theo giá cố định 1994	Tỷ đồng	350	132,4
• Theo giá thực tế	Tỷ đồng	1.010	126,1
Doanh thu tiêu thụ			
Trong đó:			
• Doanh thu SXCN	Tỷ đồng	970	116,2
• Doanh thu thương mại	Tỷ đồng	1.030	257,9
Lợi nhuận trước thuế			
Mức cổ tức (không nhỏ hơn)			
	%	10	300

Để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024, Hội đồng quản trị cần kiên quyết thực hiện các giải pháp sau đây:

- Tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, tập trung giám sát hoạt động của Ban điều hành, các bộ quản lý các mặt hoạt động của Công ty
- Đề xuất với Ban điều hành các giải pháp quản lý sản xuất, quản lý chi phí, quản lý chất lượng. Hoàn thiện công tác bán hàng, điều chỉnh chính sách tiêu thụ hợp lý với đại lý, nhà phân phối. Kiên quyết khắc phục những hạn chế của mình đã nêu trong phần đánh giá của HĐQT về hoạt động điều hành năm 2023.
- Sử dụng lao động có hiệu quả, tìm mọi biện pháp tăng năng suất lao động trong tình trạng thiếu người.
- Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV, có chính sách giữ người có trình độ cao, tay nghề giỏi, từng bước tăng thu nhập cho người lao động.
- Quyết tâm phát triển sản phẩm mới, chất lượng cao đặc biệt là lớp ô tô công trường quy cách lớn, lớp xe máy không sấm, sấm xe máy butyl đáp ứng tốt nhu cầu thị trường.



CHƯƠNG

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Giao dịch, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm vừa qua, Hội đồng quản trị (HĐQT) luôn quan tâm sâu sát đến các mặt hoạt động của Công ty, từ đó, đưa ra các chỉ đạo kịp thời và hỗ trợ Ban điều hành trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho HĐQT được Ban điều hành thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT được Ban điều hành triển khai đồng bộ, nhất quán và hiệu quả, kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh tiến trình thực hiện phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của HĐQT.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Phạm Hoàn Sơn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	16/12/2019	
Nguyễn Việt Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	01/03/2019	
Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	08/06/2020	
Nguyễn Đình Sơn	Thành viên HĐQT	26/04/2021	
Lương Xuân Hoàng	Thành viên HĐQT	26/04/2021	

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
Phạm Hoàn Sơn	8/8	100%	
Nguyễn Việt Hùng	8/8	100%	
Nguyễn Thanh Tùng	8/8	100%	
Nguyễn Đình Sơn	8/8	100%	
Lương Xuân Hoàng	8/8	100%	

THÀNH VIÊN BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ (BKTNB)

Thành viên BKTNB	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Trình độ chuyên môn
Lương Xuân Hoàng	Trưởng BKTNB	29/10/2021		Cử nhân kinh tế
Nguyễn Việt Thắng	Thành viên BKTNB	21/07/2022		Cử nhân kinh tế
Phạm Cao Văn	Thành viên BKTNB	29/10/2021		Cử nhân Tài chính ngân hàng

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ (BKTNB)

Thành viên BKTNB	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
Lương Xuân Hoàng	3	100%	100%	
Nguyễn Việt Thắng	3	100%	100%	
Phạm Cao Văn	3	100%	100%	

Hoạt động giám sát của Ban kiểm toán nội bộ đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông: Thực hiện theo quy định của Luật pháp và kế hoạch được HĐQT phê duyệt

HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BKTNB

- Kiểm toán tình hình sử dụng vốn và tài sản tại Công ty
- Kiểm toán tình hình công nợ và tồn kho 6 tháng đầu năm 2023

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua (%)
1	02/NQ-HĐQT	04/01/2023	Về việc Ký HĐ tiêu thụ SP với Công ty CP TĐ Hoàn Sơn năm 2023.	60
2	03/QĐ-HĐQT	04/01/2023	Ban hành QC TTSP bổ sung và sửa đổi	100
3	09/NQ-HĐQT	11/01/2023	Thông qua việc bổ nhiệm lại chức vụ P.TGD đối với ông Nguyễn Thanh Tùng	100
4	10/QĐ-HĐQT	11/01/2023	Bổ nhiệm lại chức vụ P.TGD đối với ông Nguyễn Thanh Tùng	100
5	17/QĐ-HĐQT	17/02/2023	Cử CB đi công tác Nước ngoài	100
6	20/NQ-HĐQT	23/02/2023	Thời gian tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2023	100
7	33/NQ-HĐQT	06/03/2023	Phê duyệt KH ĐTXDCB năm 2023	
8	34/QĐ-HĐQT	06/03/2023	Phê duyệt KH thực hiện dự án “Đầu tư mở rộng sản xuất Lốp xe máy không săm tại Xuân Hòa”	100
9	35/QĐ-HĐQT	06/03/2023	Phê duyệt KH ĐTXDCB năm 2023	100

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua (%)
10	36A/NQ-HĐQT	13/03/2023	Về việc Ký HĐ tiêu thụ SP với Cty TNHH TM tổng hợp và Vận tải Quốc tế Hoàn Sơn năm 2023	100
11	38/QĐ-HĐQT	14/03/2023	Phê duyệt KHLCNT hạng mục “Đầu tư 01 máy ép đùn 2 thành phần 250(H) x 200(C)”	100
12	38A/QĐ-HĐQT	15/03/2023	Phê duyệt BCKTKT hạng mục “Đầu tư 01 máy thí nghiệm Rheometer”	100
13	44/QĐ-HĐQT	31/03/2023	Phê duyệt KHLCNT hạng mục “Đầu tư 01 máy thí nghiệm Rheometer”	100
14	45/QĐ-HĐQT	03/04/2023	Ban hành Quy chế trả lương, chi thưởng bổ sung và sửa đổi.	100
15	47/NQ-HĐQT	04/04/2023	Về việc Chấp thuận việc thực hiện các hợp đồng giao dịch giữa Công ty với người có liên quan quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp. <ul style="list-style-type: none"> Có giao dịch < 35% GTTS Công ty; Nằm trong phạm vi hoạt động bình thường của Công ty; Được thực hiện dựa trên cơ sở công bằng và tự nguyện. 	100
16	66/QĐ-HĐQT	25/04/2023	Phê duyệt KH triển khai, rà soát bổ sung Quy hoạch CB giai đoạn 2021-2026; QHCB giai đoạn 2026-2031.	100
17	68/QĐ-HĐQT	27/04/2023	Bổ nhiệm chức vụ P.TGD Công ty (Ô Hòa)	60
18	72/NQ-HĐQT	08/05/2023	Về việc Thống nhất chuyển nhượng cả lô hoặc chia lẻ lô 212.583 m2 đất và cơ sở hạ tầng tại lô E đường D5 KCN Châu Sơn, Phú Lý, Hà Nam cho các nhà đầu tư có nhu cầu	100
19	74/NQ-HĐQT	11/05/2023	Về việc lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập	100

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua (%)
20	76B/NQ-HĐQT	13/05/2023	Thống nhất việc KDTM các mặt hàng để bán cho các đơn vị có nhu cầu chuyên khai thác Khoáng sản.	60
21	81/QĐ-HĐQT	19/05/2023	Phê duyệt KHLCNT Đầu tư 05 máy nổi đầu sấm	100
22	91/QĐ-HĐQT	01/07/2023	Giao nhiệm vụ Ông Phan Duy Phúc thôi kiêm Thư ký Công ty	100
23	92/QĐ-HĐQT	01/07/2023	Chỉ định Ông Tô Anh Quý – Phó phòng KHVT kiêm nhiệm công việc Thư ký Công ty	100
24	94/QĐ-HĐQT	03/07/2023	Phê duyệt điều chỉnh KHLCNT Đầu tư 05 máy nổi đầu sấm	100
25	94B/NQ-HĐQT	10/07/2023	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua bán sản phẩm sản xuất từ năm 2021 trở về trước với giá thấp nhất là dưới chi phí biến đổi. Thông qua bán sản phẩm cao su kỹ thuật tồn kho lâu ngày với tỷ lệ giảm giá 50-60% Đầu tư thêm 01 xe Fotuner – Toyota 2.4 AT4x2 	
26	96/QĐ-HĐQT	20/07/2023	Phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở Đầu tư mở rộng sản xuất lốp xe máy không sấm tại Xí nghiệp luyện Xuân Hòa	100
27	100/QĐ-HĐQT	24/07/2023	Phê duyệt Hồ sơ mời thầu Đầu tư 05 máy nổi đầu sấm	100
28	101/NQ-HĐQT	08/08/2023	Trả cổ tức 2022 bằng tiền mặt, tỷ lệ 8%	100
29	112B/NQ-HĐQT	11/09/2023	Chuyển nhượng quyền sử dụng 212.538 m2 đất và cơ sở hạ tầng tại Lô E, đường D5 khu công nghiệp Châu Sơn, Phú Lý, Hà Nam	60
30	111A/NQ-HĐQT	14/09/2023	Đầu tư 01 xe ô tô con phục vụ công việc đi lại của chủ tịch HĐQT	100
31	136/QĐ-HĐQT	26/12/2023	Phê duyệt KQ CĐT hạng mục “Đầu tư 01 máy thí nghiệm Rheometer”	100

BAN KIỂM SOÁT THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Ngày không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
Nguyễn Trung Hòa	Trưởng BKS	25/4/2023		Cử nhân kinh tế
Vũ Thị Mai Nhung	Thành viên BKS	27/4/2019		Cử nhân kinh tế
Hoàng Văn Hòa	Thành viên BKS	26/04/2021		Cử nhân QTKD

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2023, BKS đã họp tổng cộng 6 phiên để triển khai các công việc. Kiểm tra, kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thực hiện kế hoạch năm 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Tham dự các cuộc họp của HĐQT, Ban điều hành Công ty và đưa ý kiến của Ban Kiểm soát về các chủ trương, kế hoạch, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính, công bố các thông tin theo quy định, cụ thể:

- Giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2023 của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.
- Kiểm soát việc ban hành và thực hiện các quy chế, quy định;
- Kiểm soát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023;
- Kiểm soát thực hiện việc thoái vốn của Công ty tại Công ty CP Philip Carbon Black và Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàn Sơn theo đúng các quy định của pháp luật;
- Kiểm soát công tác tài chính kế toán, thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm;
- Kiểm soát việc phân phối lợi nhuận năm 2022 và xây dựng kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023;
- Giám sát việc công bố thông tin được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, minh bạch, đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự
Nguyễn Trung Hòa	6/6	100%	100%	
Vũ Thị Mai Nhung	6/6	100%	100%	
Hoàng Văn Hòa	6/6	100%	100%	

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

- Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm tra giám sát tình hình tài chính và báo cáo tài chính trong năm 2023 của Công ty. Hoạt động của Hội đồng quản trị tuân thủ Điều lệ, quy chế quản trị Công ty và các quy định của Pháp luật có liên quan.
- Ban điều hành đã và đang triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023 và các quyết định của Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát không nhận được đơn yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hay nhóm cổ đông có tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định của Điều lệ Công ty.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị cung cấp kịp thời đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định.
- Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận phòng ban chức năng của Công ty phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động Công ty, thu thập thông tin, tài liệu phục vụ cho công tác kiểm tra giám sát khi có yêu cầu.

TÌNH HÌNH KIỂM TRA GIÁM SÁT MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI CÔNG TY NĂM 2023

Kiểm soát công tác tài chính kế toán, Báo cáo tài chính năm

a. Tổ chức công tác kế toán

- Công ty thực hiện lập và gửi Báo cáo tài chính định kỳ theo quy định của Nhà nước;
- Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty phù hợp với các quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp, Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các văn bản hiện hành của Nhà nước;
- Sổ sách kế toán, thống kê đầy đủ, rõ ràng, lưu trữ đúng quy định của chế độ kế toán thống kê. Định kỳ, Công ty thực hiện kiểm kê tiền mặt, hàng hóa, vật tư, thành phẩm tồn kho, đối chiếu công nợ (phải thu, phải trả) đầy đủ theo quy định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với NSNN

b. Báo cáo Tài chính năm 2023

- BCTC năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- Qua thẩm tra báo cáo, thảo luận trực tiếp với kiểm toán viên và xem xét các tài liệu liên quan, BKS nhận thấy: Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài sản, nguồn vốn trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ năm 2023, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.
- BKS nhất trí với các số liệu cũng như báo cáo của kiểm toán viên đã nêu trong Báo cáo tài chính năm 2023, số liệu chi tiết do đại diện của Ban điều hành báo cáo tại Đại hội.

Kiểm soát các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2023

- Thể thức cuộc họp, nội dung, biên bản cuộc họp: Các Nghị quyết, quyết định và văn bản của Hội đồng quản trị phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty.
- Các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị đã thể hiện mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông năm 2023, chỉ đạo về sản xuất kinh doanh để hoàn thành kế hoạch đề ra.
- Phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2022 đã thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023.
- Việc công bố thông tin được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, minh bạch, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.
- Ban kiểm soát nhất trí với nội dung đánh giá kết quả thực hiện năm 2023 như báo cáo của Hội đồng quản trị.

Kiểm soát các nội dung hoạt động của Ban điều hành

- BKS không nhận được các đơn thư kiến nghị hay đề xuất của cổ đông về việc đề nghị kiểm tra, xác minh các vấn đề liên quan đến hoạt động quản lý điều hành của Ban Tổng Giám đốc công ty.
- Ban Tổng giám đốc đã tổ chức thực hiện việc điều hành công ty một cách thống nhất, tập trung, đúng theo chức năng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ.
- Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm 2023: Các chỉ tiêu cụ thể, đánh giá và nguyên nhân đã được nêu tại Báo cáo của Ban điều hành, Ban kiểm soát nhất trí với nội dung báo cáo của Ban điều hành.
- Các nội dung khác như chi phí đầu vào, các hợp đồng mua bán vật tư, hàng hóa, các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm, Ban Kiểm soát thực hiện việc kiểm tra theo hình thức chọn mẫu ngẫu nhiên. Qua xem xét Ban Kiểm soát thấy Công ty đã tuân thủ quy định của nhà nước và quy chế của Công ty.
- Các quy chế và quy định của Công ty phù hợp với hình thức hoạt động của Công ty cổ phần đã được triển khai và hoạt động.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành

Với tinh thần trách nhiệm, trong quá trình hoạt động BKS luôn phối hợp, trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong các cuộc họp. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành phù hợp với mục tiêu của Hội đồng quản trị và các chính sách Pháp luật quy định.

Ban Kiểm soát nhận xét và kiến nghị

Trong năm 2023, Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty. Trong quá trình làm việc Ban kiểm soát chưa phát hiện có sai phạm nào của Hội đồng quản trị, Ban điều hành làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty và của Cổ đông.

Ban Kiểm soát kiến nghị Hội đồng quản trị, Ban điều hành:

- Tiếp tục rà soát sửa đổi hoàn thiện các quy chế, quy định để phù hợp với hoạt động của Công ty trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành.
- Nghiên cứu cải tiến công nghệ hạ giá thành sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Có giải pháp tích cực, nhằm thu hồi các khoản công nợ phải thu khó đòi để đảm bảo việc sử dụng vốn có hiệu quả. Tăng cường quản lý chặt chẽ công tác theo dõi và quản lý công nợ phải thu khách hàng.
- Triển khai hiệu quả, tổ chức lựa chọn nhà thầu xây lắp, nhà thầu cung cấp thiết bị cho dự án: “Đầu tư mở rộng sản xuất lốp xe máy không sấm tại Xí nghiệp luyện cao su Xuân Hòa”.
- Tiếp tục thực hiện các công việc liên quan đến việc thoái vốn tại Công ty cổ phần Phillip Car- bon Black;

KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ CỦA BKS NĂM 2024

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty trong việc quản trị, điều hành.
- Định kỳ kiểm tra sổ sách, chứng từ kế toán và các tài liệu khác của Công ty. Kiểm tra, kiểm soát theo chuyên đề.
- Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính.
- Kiểm tra việc công bố thông tin được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, minh bạch, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.
- Thực hiện công tác khác theo chức năng nhiệm vụ của BKS quy định tại Điều lệ công ty, theo yêu cầu của HĐQT và Ban Điều hành.

GIAO DỊCH, THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

THÙ LAO CỦA HĐQT, BKS VÀ BĐH

HỌ TÊN	CHỨC VỤ	THÙ LAO
PHẠM HOÀNH SƠN	CHỦ TỊCH HĐQT	60,000,000
NGUYỄN VIỆT HÙNG	TV HĐQT	48,000,000
NGUYỄN THANH TÙNG	TV HĐQT	48,000,000
NGUYỄN ĐÌNH SƠN	TV HĐQT	48,000,000
LƯƠNG XUÂN HOÀNG	TV HĐQT	48,000,000
NGUYỄN TRUNG HOÀ	TRƯỞNG BKS	48,000,000
VŨ THỊ MAI NHUNG	TV BKS	30,000,000
HOÀNG VĂN HOÀ	TV BKS	30,000,000
THU NHẬP BAN TỔNG GIÁM ĐỐC		
NGUYỄN VIỆT HÙNG	TỔNG GIÁM ĐỐC	627,686,874
NGUYỄN THANH TÙNG	PHÓ TGĐ	522,886,570
NGUYỄN QUANG HÀO	PHÓ TGĐ	475,541,141
THU NHẬP KẾ TOÁN TRƯỞNG		
TRẦN MINH TUẤN	KTT	466,362,141
THU NHẬP BAN KIỂM SOÁT		
NGUYỄN TRUNG HOÀ	TRƯỞNG BKS	282,099,888
HOÀNG VĂN HÒA	TV BKS	263,615,002

THÙ LAO CỦA NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Đối tượng	Số người	Số tiền thù lao (đồng/tháng)	Số tháng lương thù lao	Thành tiền
Người phụ trách quản trị	1	3.500.000	12	42.000.000
Thư ký công ty	1	3.000.000	12	36.000.000
Tổng cộng				78.000.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Không có

GIAO DỊCH, HỢP ĐỒNG CỦA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Tên Tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Năm giao dịch	Số NQ/ QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
Cty CP Tập đoàn Hoàn Sơn	Tổ chức có liên quan đến CT HĐQT	ĐKKD số 3000244065 đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 11/05/2022 do sở KHĐT Hà Tĩnh cấp	TDP.Thuận Minh, P.Đức Thuận, TX.Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	năm 2023	Nghị quyết số: 02/NQ-HĐQT ngày 04/01/2023; 47/NQ-HĐQT ngày 04/04/2023	Bán hàng: 89,7 tỷ VNĐ	
Nguyễn Quang Hào	P.TGĐ	CMND số 036061005323 cấp ngày 15/03/2021, CA Hà Nội	Nhà K2, Phòng 111 khu TT Vinh Phúc, Ba Đình, Hà Nội	Năm 2023	Nghị quyết số 47/NQ-HĐQT ngày 04/04/2023	Cho Cty vay vốn: 525 triệu VNĐ	Đã rút hết

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tuân thủ quy định về quản trị công ty

Từ khi tham gia thị trường chứng khoán đến nay, Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời như:

Tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ về Công bố thông tin

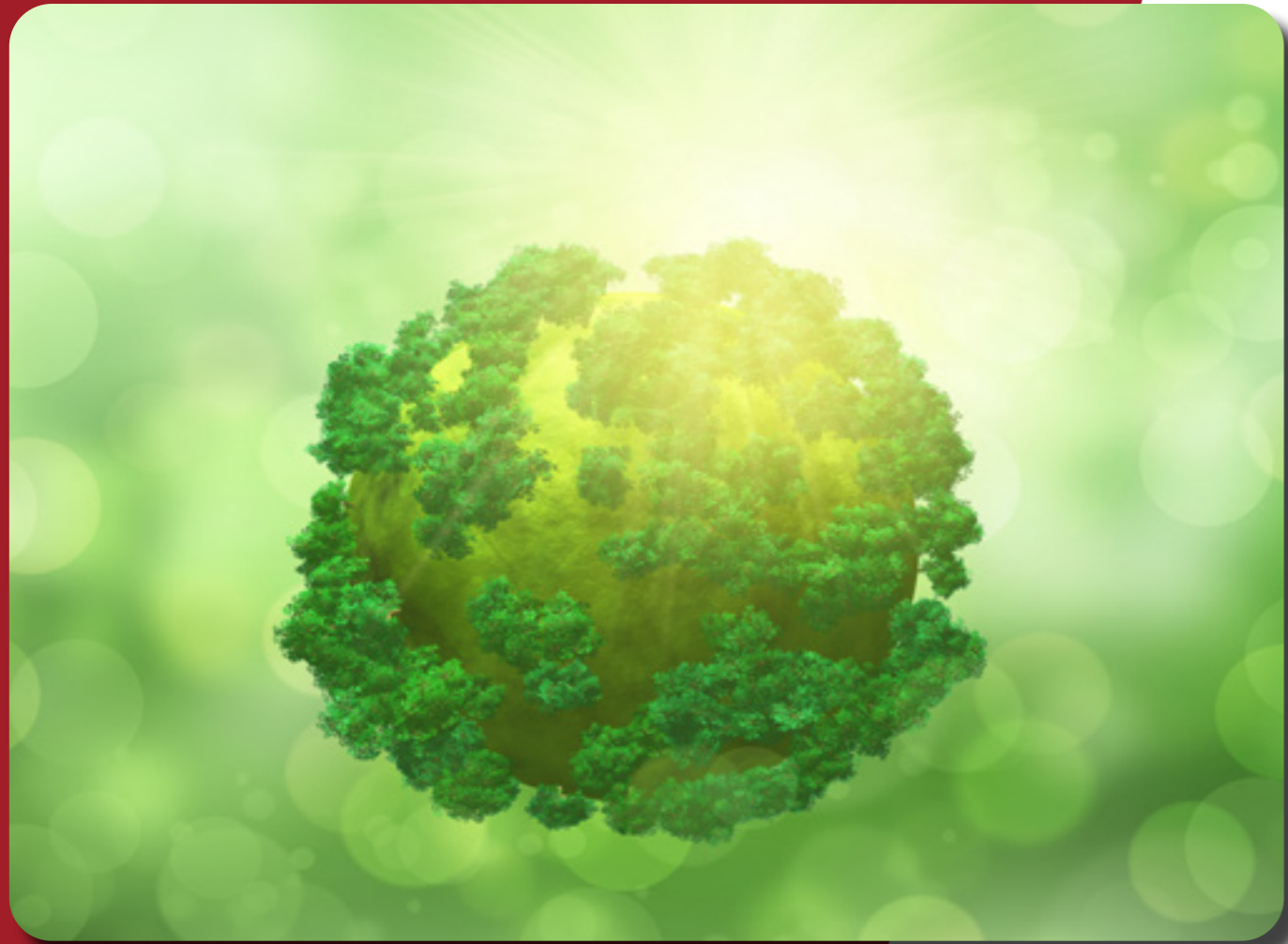
Định kỳ tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Xây dựng điều lệ, Quy chế quản trị bám sát theo Luật Doanh Nghiệp

Những việc trên một mặt nâng cao hiệu quả quản lý, mặt khác thúc đẩy sự công bằng, minh bạch.

Tăng cường hiệu quả quản trị công ty

Công ty đã và đang chủ động nghiên cứu, tìm hiểu để tiến hành sửa đổi điều lệ, quy chế quản trị theo các quy định mới. Tạo điều kiện để các cán bộ, nhân viên tham gia những chương trình đào tạo nhằm nâng cao năng lực quản trị.



CHƯƠNG

06 | **BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

- Mục tiêu phát triển bền vững
- Các chỉ tiêu phát triển bền vững

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Cùng với đưa doanh nghiệp đi lên, khẳng định vị thế trên thị trường thì các vấn đề an sinh xã hội, bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần cho tập thể cán bộ công nhân viên công ty và hoàn thành các trách nhiệm khác với môi trường, xã hội luôn là mối quan tâm hàng đầu của Ban lãnh đạo. Nhận thức được sự ảnh hưởng to lớn của quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty đến môi trường, để bảo đảm các mục tiêu phát triển bền vững của Đảng và Nhà nước, Công ty CP Cao su Sao Vàng đã có những chính sách, hành động cụ thể để hoàn thành mục tiêu này như các chính sách bảo vệ môi trường, tái sử dụng các nguyên vật liệu đầu vào từ đó đạt mục tiêu vừa tiết kiệm chi phí vừa bảo vệ môi trường.

CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ pháp luật và các quy định về bảo vệ môi trường các đoàn kiểm tra môi trường thường xuyên đến kiểm tra và kết luận công ty đã tuân thủ về bảo vệ môi trường

Chính sách liên quan đến người lao động

Bí quyết tạo nên sự phát triển của SRC chính là đội ngũ cán bộ công nhân viên (CBCNV) tâm huyết, lành nghề. Chính vì vậy bên cạnh việc đầu tư đổi mới công nghệ, Công ty luôn quan tâm thực hiện các chính sách đối với người lao động theo đúng Luật Lao động và các quy định của Nhà nước, chú trọng cải thiện môi trường làm việc, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động.

Người lao động được hưởng các chế độ lương, thưởng theo vị trí công việc, mức độ hoàn thành công việc và kết quả kinh doanh của Công ty. Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện theo đúng quy định của nhà nước.

Người lao động được trợ cấp khi gia đình hoặc bản thân đau ốm, có việc hiếu, hỷ; được tặng quà hiện vật vào các ngày lễ, tết, ngày kỷ niệm; được khám sức khỏe định kỳ hàng năm....

Công ty có kế hoạch đào tạo hàng năm cho CBCNV cụ thể theo từng chức danh, vị trí công việc, qua đó CBCNV được thường xuyên cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn ý thức được để phát triển bền vững, cần nâng cao trách nhiệm, đóng góp của mình với cộng đồng địa phương. Điều đó thể hiện thông qua việc phối hợp với các cơ quan địa phương để phòng chống dịch bệnh, thực hiện đúng các quy định của pháp luật về môi trường, kinh doanh, đảm bảo cuộc sống cho người lao động. Công ty luôn hành động để hướng tới mục tiêu cống hiến cho xã hội, ngày càng hoàn thiện hơn và hướng tới phát triển bền vững của xã hội và công ty.

Các sáng kiến, cải tiến về tiết kiệm năng lượng

SRC đẩy mạnh các phong trào thi đua lao động sáng tạo, đưa ra sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng vào sản xuất, giúp tăng năng suất, tiết kiệm nguyên nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng, tăng hiệu quả kinh doanh và lợi nhuận, góp phần bảo vệ môi trường. Tất cả các hoạt động đều hướng đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và lợi ích cộng đồng.



Tiêu thụ nước và năng lượng

Trong năm 2023, Công ty đã xây dựng quy trình xử lý nước thải hợp lý:

- Nước thải sinh hoạt do cán bộ công nhân viên sử dụng hàng ngày thải ra và được xử lý bằng phương pháp vi sinh yếm khí.
- Nước thải công nghiệp: Công ty sử dụng nước để làm mát máy móc thiết bị, không tham gia vào công nghệ sản xuất. Toàn bộ nước làm mát được bơm tuần hoàn để tái sử dụng không thải ra môi trường (sử dụng hệ thống tuần hoàn khép kín nên hầu như không có nước thải công nghiệp ra ngoài môi trường).
- Nước thải sinh hoạt từ bếp ăn tập thể và các bể phốt được dẫn vào hệ thống thoát nước thải của cụm công nghiệp qua điểm đấu nối tại hố ga đã được đăng ký.

Công ty đã kiểm tra, theo dõi và đo lường mức tiêu hao năng lượng của các thiết bị, tiến hành duy tu, bảo dưỡng và thay thế các thiết bị mới tiết kiệm điện. Luôn có nhân sự thường xuyên theo dõi quá trình hoạt động, phối hợp nhịp nhàng để đảm bảo máy móc hoạt động đúng công suất. Bên cạnh đó, Công ty cũng tăng cường tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức người lao động về sử dụng hợp lý và tiết kiệm điện.

Về công tác xử lý khí thải: Đối với lò hơi đốt trấu tại Hà Nội và Thái Bình thì có hệ thống xử lý khí thải theo thiết kế của lò để đảm bảo chất lượng khí thải ra môi trường. Đối với cửa thoát khí tại Xuân Hòa và Thái Bình có hệ thống lọc bụi bằng túi vải trước khi thải ra môi trường. Khí thải lò hơi và các cửa thoát khí trong các đợt quan trắc đều nằm trong tiêu chuẩn cho phép theo quy định trước khi thải ra môi trường.

Nguồn nguyên vật liệu

Nguyên liệu chính phục vụ sản xuất của Công ty bao gồm: cao su thiên nhiên, cao su tổng hợp, vải màn, than đen, thép tanh, hóa chất các loại, chất độn, chiếm khoảng 70 - 75% giá thành sản phẩm. Nhận thức được mức độ ảnh hưởng lớn đến môi trường từ các nguyên liệu nêu trên, Cao su Sao Vàng luôn có ý thức tận dụng và sử dụng vật tư, nguyên vật liệu, năng lượng ngày càng tiết kiệm và hợp lý. Công ty đã thực hiện tốt việc kiểm soát nguồn nguyên liệu sử dụng năm 2023, theo dõi chặt chẽ hơn hoạt động thiết kế, định mức nguyên vật liệu nhằm giảm thiểu khối lượng sử dụng các loại nguyên liệu. Ngoài ra, cao su, vải màn phế, lớp phế... cũng được Công ty tái sử dụng bằng cách xử lý cắt, nghiền để làm nguyên liệu sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật tại bộ phận cao su kỹ thuật – XNCS3

Mức độ tiêu thụ năng lượng và nước trong năm 2023

1. Điện năng:

- Tổng tiêu thụ: 16.839.177 (KWh)

- Sản xuất: 16.661.763 (KWh)

- Văn phòng: 153.054 (KWh)

- Khác: 24.360 (KWh)

2. Hơi nóng: sản xuất 62.447 tấn

3. Tổng tiêu thụ nước: 134.382 (m³)

4. Năng lượng lãng phí so với năm 2022 (VNĐ)

- Điện: 1.104.360.869

- Hơi nóng: 543.666.146



CHƯƠNG

07

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM 2023**

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hoàn Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Sơn	Thành viên
Ông Lương Xuân Hoàng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Việt Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Hào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2024

Số 0457/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2024, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đỗ Hồng Dương
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2393-2021-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 02 năm 2024
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thu Trang
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5360-2020-001-1

011
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA
LIÊN BANG
VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		631.102.917.710	530.074.887.666
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	33.058.394.306	36.390.500.867
1. Tiền	111		17.058.394.306	32.390.500.867
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.000.000.000	4.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		366.121.650.273	162.478.918.723
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	367.869.103.286	115.716.372.291
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	5.270.304.058	47.538.386.685
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	4.022.930.770	6.449.018.432
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(11.040.687.841)	(7.224.858.685)
III. Hàng tồn kho	140	9	228.529.873.594	323.110.741.069
1. Hàng tồn kho	141		230.978.322.874	327.268.113.686
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.448.449.280)	(4.157.372.617)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.392.999.537	8.094.727.007
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	2.935.346.968	999.011.260
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		443.433.867	5.463.730.190
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	14.218.702	1.631.985.557
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		715.736.741.314	714.951.151.409
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.514.752.134	6.262.992.134
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	6.514.752.134	6.262.992.134
II. Tài sản cố định	220		52.200.604.080	45.038.818.071
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	36.336.226.300	30.451.984.317
- Nguyên giá	222		679.751.392.641	663.854.526.820
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(643.415.166.341)	(633.402.542.503)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	12.455.058.958	11.166.048.032
- Nguyên giá	225		16.850.424.239	13.917.054.787
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.395.365.281)	(2.751.006.755)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	3.409.318.822	3.420.785.722
- Nguyên giá	228		3.615.723.022	3.615.723.022
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(206.404.200)	(194.937.300)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	14	2.059.374.605	4.160.561.210
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.059.374.605	4.160.561.210
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	510.534.576.085	510.420.126.316
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		505.000.000.000	505.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		8.444.062.358	8.444.062.358
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.909.486.273)	(3.023.936.042)
V. Tài sản dài hạn khác	260		144.427.434.410	149.068.653.678
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	144.427.434.410	149.068.653.678
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.346.839.659.024	1.245.026.039.075

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		903.490.135.850	805.693.331.661
I. Nợ ngắn hạn	310		621.088.346.362	520.676.985.270
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	93.545.658.963	98.622.214.304
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	73.414.693.793	100.409.316.714
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	1.592.991.566	2.187.131.955
4. Phải trả người lao động	314		24.944.101.217	26.037.482.424
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	782.441.049	2.166.071.414
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		29.945.455	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	83.885.588.221	62.688.415.067
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	338.394.314.772	221.763.099.932
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	771.070.808	785.552.483
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.727.540.518	6.017.700.977
II. Nợ dài hạn	330		282.401.789.488	285.016.346.391
1. Phải trả dài hạn khác	337	20	143.500.000.000	143.500.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	132.667.334.365	135.281.891.268
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		6.234.455.123	6.234.455.123
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		443.349.523.174	439.332.707.414
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	443.349.523.174	439.332.707.414
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		280.657.650.000	280.657.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		280.657.650.000	280.657.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.605	3.605
3. Cổ phiếu quỹ	415		(23.970.000)	(23.970.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		108.014.502.579	99.692.125.955
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		54.701.336.990	59.006.897.854
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		25.300.701.289	31.265.642.441
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		29.400.635.701	27.741.255.413
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.346.839.659.024	1.245.026.039.075


Lê Lan Phương
Người lập biểu


Trần Minh Tuấn
Kế toán trưởng


Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	1.234.494.008.488	959.540.734.240
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	36.743.900.996	44.259.913.128
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	27	1.197.750.107.492	915.280.821.112
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	1.032.450.795.006	752.968.519.855
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		165.299.312.486	162.312.301.257
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	1.649.675.834	1.574.424.431
7. Chi phí tài chính	22	31	20.950.713.662	16.797.566.238
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.010.130.009	13.430.033.634
8. Chi phí bán hàng	25	32	33.672.177.635	45.311.326.176
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	74.666.552.613	67.424.325.941
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		37.659.544.410	34.353.507.333
11. Thu nhập khác	31		1.426.797.302	4.267.672.675
12. Chi phí khác	32		31.263.751	428.596.548
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.395.533.551	3.839.076.127
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		39.055.077.961	38.192.583.460
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	9.654.442.260	10.451.328.047
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		29.400.635.701	27.741.255.413
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	1.048	884



Lê Lan Phương
Người lập biểu



Trần Minh Tuấn
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	39.055.077.961	38.192.583.460
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	11.668.449.264	14.142.918.075
Các khoản dự phòng	03	1.977.974.375	(3.931.155.686)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	157.357.867	109.495.210
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(583.339.097)	(2.903.495.956)
Chi phí lãi vay	06	16.010.130.009	13.430.033.634
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	68.285.650.379	59.040.378.737
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(204.074.287.427)	5.454.172.036
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	96.289.790.812	(33.386.703.475)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(17.488.130.544)	64.351.309.214
Giảm chi phí trả trước	12	2.704.883.560	4.428.276.529
Tiền lãi vay đã trả	14	(16.017.254.009)	(13.301.859.634)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.990.706.315)	(13.892.012.089)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.023.286.000)	(2.749.771.664)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(82.313.339.544)	69.943.789.654
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(13.549.987.756)	(6.651.599.515)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	2.182.075.093
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(2.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	2.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	515.233.217	712.686.724
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(13.034.754.539)	(3.756.837.698)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	750.089.340.622	555.859.698.693
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(633.051.455.636)	(612.983.659.397)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(2.632.201.896)	(2.668.171.440)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(22.380.373.360)	(16.783.986.690)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	92.025.309.730	(76.576.118.834)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(3.322.784.353)	(10.389.166.878)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	36.390.500.867	46.820.437.615
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(9.322.208)	(40.769.870)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	33.058.394.306	36.390.500.867

Lê Lan Phương
Người lập biểu

Trần Minh Tuấn
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Cao su Sao Vàng theo Quyết định số 3500/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về phê duyệt phương án và chuyển Công ty Cao su Sao Vàng thành Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011568 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 11 tháng 5 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 231 Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty có các cơ sở sản xuất như sau:

Nhà máy luyện cao su Xuân Hòa Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Xuân Hòa, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao vàng tại Số 5 Trần Thủ Độ, Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 767 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 800 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất sản phẩm công nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty gồm:

- Kinh doanh các sản phẩm cao su;
- Mua bán, sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, xe máy và phụ tùng thay thế;
- Cho thuê cửa hàng, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Chế tạo, lắp đặt và mua bán máy móc thiết bị phục vụ ngành cao su;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, hóa chất phục vụ cho ngành sản xuất công nghiệp cao su;
- Mua bán, sửa chữa ô tô xe máy và các phụ tùng thay thế;
- Mua bán kính mắt thời trang, thiết bị quang học;
- Mua bán hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, đồ cá nhân và gia đình;
- Đại lý mua, đại lý bán, kỹ gửi hàng hóa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

08
/
TY
+
JAT
TT
AM
/EP

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thái Bình	Thái Bình	Kinh doanh sản phẩm cao su
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thành phố Đà Nẵng	Đà Nẵng	Kinh doanh sản phẩm cao su
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh sản phẩm cao su

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 03 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị tài sản thuần của bên nhận góp vốn tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.



Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	04 - 10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	05 - 06

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất của các lô đất tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Đà Nẵng của Công ty với mục đích làm trụ sở văn phòng. Quyền sử dụng đất tại Thành phố Hồ Chí Minh được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là 42 năm. Quyền sử dụng đất không thời hạn tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Đà Nẵng không được trích khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là chi phí thực tế đã phát sinh liên quan đến hoạt động khôi phục, cải tạo tài sản cố định theo yêu cầu đảm bảo kỹ thuật. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định không được tính tăng nguyên giá tài sản cố định mà được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ, nhưng tối đa không quá 3 năm.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí thuê đất và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam; chi phí bảo hiểm cháy nổ bắt buộc; giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí thuê đất và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam là khoản trả trước tiền thuê 212.538 m² đất tại Lô E, Khu Công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam của Công ty TNHH Một thành viên VPID Hà Nam theo Hợp đồng thuê đất số 17/HĐTD-HVPID ngày 18 tháng 7 năm 2016, thời hạn thuê đất là 40 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng. Chi phí thuê đất được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài

sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ hạch toán để đảm bảo khi các khoản chi phải trả phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh ở các kỳ tiếp theo. Việc ghi nhận chi phí phải trả phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong năm nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	448.093.355	927.241.763
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.610.300.951	31.463.259.104
Các khoản tương đương tiền (i)	16.000.000.000	4.000.000.000
	33.058.394.306	36.390.500.867

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 01 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,15% đến 3,4%/năm (năm 2022: 5,15%/năm đến 5,65%/năm).

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Việt Nam	256.777.464.990	-
Công ty TNHH Sao Mai Anh	18.731.466.574	22.510.544.069
Công ty TNHH Phát triển và Vận tải Lào-Việt Nam	18.379.053.000	-
Công ty Cổ phần Ô tô TMT - Chi nhánh tại Hưng Yên	8.282.945.970	18.969.261.325
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Loan Tuyết	7.276.013.856	8.426.292.138
Công ty TNHH Thương mại XNK Trường Phát	-	13.627.537.788
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Nga Sơn	-	1.096.296.680
Các khách hàng khác	58.422.158.896	51.086.440.291
	367.869.103.286	115.716.372.291

Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 35)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Nam Tiến	4.252.008.800	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Việt Nam	-	40.028.428.113
Khác	1.018.295.258	7.509.958.572
	5.270.304.058	47.538.386.685

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

7. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Giá trị nợ xấu có thể thu hồi	VND	Giá trị nợ xấu có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Ô tô TMT - chi nhánh Hưng Yên	8.282.945.970	4.095.570.475	18.969.261.325	91.805.021
Công ty Cổ phần Phillips Carbon Black Việt Nam	2.966.978.675	-	2.966.978.675	2.966.978.675
Nguyễn Thị Hương	2.208.428.046	-	2.208.428.046	2.208.428.046
Công ty Cổ phần Ô tô An Thái - CONECO - Thái Bình	346.500.000	-	492.000.000	492.000.000
Nguyễn Văn Lợi	380.374.028	-	400.374.028	400.374.028
Chi nhánh Sông Đà 802 - Công ty Cổ phần Sông Đà	295.710.052	-	295.710.052	295.710.052
Công ty TNHH Phú Cường	164.362.402	-	282.014.700	282.014.700
Đối tượng khác	9.232.166.928	136.060.758	1.219.195.407	664.907.051
	23.877.466.101	4.231.631.233	26.833.962.233	7.402.217.573
				177.358.888
				177.358.888

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá và xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu dựa trên giá gốc trừ giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu về khoản góp vốn tại Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam (i)	2.966.978.675	2.966.978.675
Ký quỹ ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	1.937.700.717
Phải thu người lao động	472.422.372	487.796.454
Phải thu lãi tiền gửi và cho vay	234.782.483	166.676.603
Phải thu khác	348.747.240	889.865.983
	4.022.930.770	6.449.018.432
b. Dài hạn		
Ký quỹ dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)	5.496.760.000	5.245.000.000
Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn khác	1.017.992.134	1.017.992.134
	6.514.752.134	6.262.992.134

- (i) Phải thu về khoản góp vốn tại Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam phản ánh số tiền Công ty tạm ứng vốn cho Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam theo kế hoạch tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam. Tuy nhiên, do hoạt động của Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam không mang lại hiệu quả, kế hoạch tăng vốn điều lệ đã không được thực hiện. Đến ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục giải thể doanh nghiệp và trả lại tiền vốn góp cho các cổ đông.
- (ii) Khoản ký quỹ dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thông qua các hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng này. Khoản ký quỹ nhằm mục đích phát hành các thư tín dụng để thanh toán các hợp đồng nhập khẩu và đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng này.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	2.069.807.040	-	1.477.263.331	-
Nguyên liệu, vật liệu	108.921.995.513	-	133.685.707.863	-
Công cụ, dụng cụ	3.159.984.288	-	3.956.331.405	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.513.109.503	-	10.131.853.765	-
Thành phẩm	105.762.739.980	(2.400.213.045)	176.047.416.090	(4.148.499.484)
Hàng hoá	108.296.466	-	274.591.785	-
Hàng gửi bán	2.442.390.084	(48.236.235)	1.694.949.447	(8.873.133)
	230.978.322.874	(2.448.449.280)	327.268.113.686	(4.157.372.617)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 2.448.449.280 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 4.157.372.617 VND).

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Phí bảo hiểm cháy nổ bắt buộc	279.801.309	271.527.309
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.655.545.659	727.483.951
	2.935.346.968	999.011.260
b. Dài hạn		
Chi phí thuê đất và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam (i)	141.070.536.570	145.405.596.570
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	3.356.897.840	3.663.057.108
	144.427.434.410	149.068.653.678

- (i) Công ty ký kết Hợp đồng thuê đất số 17/HĐTD-HVPID ngày 18 tháng 7 năm 2016 với Công ty TNHH Một thành viên VPID Hà Nam để thuê lại 212.538 m² đất tại Lô E, Khu công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Thời gian thuê là 40 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng. Mục đích thuê để thực hiện Dự án di dời và sản xuất lốp radial tại Khu công nghiệp Châu Sơn - tỉnh Hà Nam. Theo Nghị quyết số 114/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 15 tháng 6 năm 2020, Công ty đã dừng việc triển khai thực hiện Dự án này. Theo Nghị quyết số 152/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 10 năm 2020, Hội đồng Quản trị Công ty đã họp và thống nhất chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng cho các nhà đầu tư có nhu cầu trên cơ sở thẩm định giá, bảo toàn vốn đầu tư.

CÔNG TY
 H
 CÁI
 T
 AB
 (P)

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	112.636.883.385	508.400.414.228	786.447.907	42.030.781.300	663.854.526.820
Mua sắm mới	-	1.177.688.559	-	10.693.208.182	11.870.896.741
Xây dựng cơ bản hoàn thành	3.280.160.909	-	-	-	3.280.160.909
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	745.808.171	-	-	745.808.171
Số dư cuối năm	115.917.044.294	510.323.910.958	786.447.907	52.723.989.482	679.751.392.641
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	97.127.536.762	495.603.179.953	786.447.907	39.885.377.881	633.402.542.503
Khấu hao trong năm	2.044.143.168	6.211.440.651	-	1.292.579.525	9.548.163.344
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	464.460.494	-	-	464.460.494
Số dư cuối năm	99.171.679.930	502.279.081.098	786.447.907	41.177.957.406	643.415.166.341
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	15.509.346.623	12.797.234.275	-	2.145.403.419	30.451.984.317
Tại ngày cuối năm	16.745.364.364	8.044.829.860	-	11.546.032.076	36.336.226.300

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 593.490.749.601 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 568.744.982.227 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 21 và Thuyết minh số 22, Công ty đã thế chấp tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 2.948.560.170 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 7.235.654.445 VND) để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Đống Đa, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Phúc Yên và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc và thiết bị VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	13.917.054.787
Thuê tài chính trong năm	3.678.177.623
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(744.808.171)
Số dư cuối năm	16.850.424.239
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	2.751.006.755
Khấu hao trong năm	2.108.819.020
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(464.460.494)
Số dư cuối năm	4.395.365.281
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	11.166.048.032
Tại ngày cuối năm	12.455.058.958

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	3.615.723.022
Số dư cuối năm	3.615.723.022
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	194.937.300
Khấu hao trong năm	11.466.900
Số dư cuối năm	206.404.200
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	3.420.785.722
Tại ngày cuối năm	3.409.318.822

Như trình bày tại Thuyết minh số 21 và Thuyết minh số 22, Công ty đã thế chấp lô đất tại xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 3.042.161.718 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 3.042.161.718 VND) để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Đống Đa.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Xây dựng nhà kho, mở rộng nhà máy sản xuất tại Xuân Hòa	1.504.049.495	1.420.049.495
Mua sắm máy móc, thiết bị	-	2.740.511.715
Sửa chữa lớn tài sản cố định	555.325.110	-
	2.059.374.605	4.160.561.210



15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết	505.000.000.000	(980.089.245)	505.000.000.000	(696.179.936)
Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn (i)	130.000.000.000	(980.089.245)	130.000.000.000	(685.119.403)
Công ty Cổ phần Sao Vàng - Hoành Sơn (ii)	375.000.000.000	-	375.000.000.000	(11.060.533)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	8.444.062.358	(1.929.397.028)	8.444.062.358	(2.327.756.106)
Công ty Cổ phần Phillips Carbon Black Việt Nam (iii)	8.444.062.358	(1.929.397.028)	8.444.062.358	(2.327.756.106)
	513.444.062.358	(2.909.486.273)	513.444.062.358	(3.023.936.042)

(i) Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của Công ty tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn - công ty đang hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản tại Hà Nội là 26%. Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/2016/HĐHTĐT/SRC-HS ngày 15 tháng 6 năm 2016 với Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn - bên liên quan của Công ty. Theo điều khoản chính của hợp đồng, các bên tham gia góp vốn sẽ thành lập Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn để thực hiện dự án "Tổ hợp Thương mại và Nhà ở Sao Vàng - Hoành Sơn" tại số 231 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, vốn điều lệ của Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn là 500 tỷ VND, trong đó Công ty góp 26% vốn điều lệ tương đương với 130 tỷ VND. Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 96/BB-HĐQT ngày 19 tháng 6 năm 2018, Công ty đang xây dựng lộ trình, kế hoạch thoái phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn trên cơ sở theo đúng các quy định của pháp luật và bảo toàn vốn đầu tư.

(ii) Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của Công ty tại Công ty Cổ phần Sao Vàng - Hoành Sơn - công ty đang hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sẫm, lốp cao su tại Hà Tĩnh là 50%. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sao Vàng - Hoành Sơn là 750 tỷ VND, trong đó Công ty góp 50% vốn điều lệ tương đương với 375 tỷ VND.

(iii) Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của Công ty tại Công ty Cổ phần Phillips Carbon Black Việt Nam - công ty đang hoạt động trong lĩnh vực sản xuất than cốc tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là 7%.

Dự phòng đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào đơn vị khác được trích lập dựa trên báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết trong năm như sau:

	Kết quả hoạt động kinh doanh năm nay	Kết quả hoạt động kinh doanh năm trước
Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn	Lỗ	Lỗ
Công ty Cổ phần Sao Vàng - Hoành Sơn	Lỗ	Lỗ

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội	12.091.987.526	12.091.987.526	21.678.383.534	21.678.383.534
Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị	16.008.300.000	16.008.300.000	14.700.000.000	14.700.000.000
Công ty TNHH ô tô SAIC HONGYAN	15.949.494.000	15.949.494.000	-	-
Công ty TNHH Kim Trường Phúc	9.886.987.876	9.886.987.876	10.427.084.632	10.427.084.632
Công ty TNHH Chế biến Cao su Đà Nẵng	5.682.135.000	5.682.135.000	17.415.885.000	17.415.885.000
Các đối tượng khác	33.926.754.561	33.926.754.561	34.400.861.138	34.400.861.138
	93.545.658.963	93.545.658.963	98.622.214.304	98.622.214.304
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 35)	335.972.727	335.972.727	335.972.727	335.972.727

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoành Sơn	64.555.712.596	75.919.187.599
Công ty Cổ Phần Thương Mại và Dịch Vụ Nga Sơn	2.628.528.104	-
Agile Sources Company Limited	1.447.269.252	1.440.505.624
Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Việt Nam	-	14.125.966.834
Người mua trả tiền trước khác	4.783.183.841	8.923.656.657
	73.414.693.793	100.409.316.714
Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	64.555.712.596	75.919.187.599

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	32.833.333	1.692.415.443	-	-
Thuế môn bài	-	-	-	-
Thuế giá trị gia tăng	-	380.646.636	-	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	14.218.702	481.991.930
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.599.152.224	-	-	1.064.583.721
Thuế thu nhập cá nhân	-	114.069.876	-	46.415.915
Các loại thuế khác	-	-	-	-
	1.631.985.557	2.187.131.955	14.218.702	1.592.991.566

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí phụ cấp độc hại và cơm công nghiệp	231.559.094	245.543.865
Chi phí lãi vay	278.200.000	285.324.000
Trích trước chi phí thư tín dụng nhập khẩu	-	1.475.935.985
Các khoản trích trước khác	272.681.955	159.267.564
	782.441.049	2.166.071.414

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải trả thư tín dụng nhập khẩu (i)	78.303.636.360	57.212.323.291
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.075.017.618	1.004.696.578
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.255.964.555	3.505.964.555
Các khoản trích theo lương	530.765.666	496.560.516
Các khoản phải trả, phải nộp khác	720.204.022	468.870.127
	83.885.588.221	62.688.415.067
b. Dài hạn		
Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàn Sơn (ii)	143.500.000.000	143.500.000.000
	143.500.000.000	143.500.000.000
Trong đó: Phải trả dài hạn khác bên liên quan		
(chi tiết tại Thuyết minh số 35)	143.500.000.000	143.500.000.000

(i) Phải trả liên quan tới các hợp đồng mua thép, vật liệu xây dựng theo phương thức thanh toán Thư tín dụng trả chậm thông qua Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Theo các hợp đồng này, Công ty được ngân hàng thanh toán ngay và sẽ thanh toán chậm với ngân hàng trong thời hạn từ 5 tháng với lãi suất từ 7,3%/năm đến 7,8%. Lãi được tính và thanh toán hàng tháng.

(ii) Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàn Sơn - bên liên quan của Công ty và Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/2016/HĐHTĐT/SRC-HS ngày 15 tháng 6 năm 2016. Theo đó, Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàn Sơn hỗ trợ kinh phí để Công ty thực hiện các công việc tháo dỡ, di dời nhà máy hiện tại và đầu tư vào khu đất nhà máy mới với số tiền cam kết góp là 435 tỷ VND chưa bao gồm các loại thuế, chia thành 04 lần chuyển tiền và được thực hiện trong thời gian từ năm 2016 tới năm 2018. Đến ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàn Sơn đã chuyển 2 đợt cho Công ty với tổng số tiền là 143.500.000.000 VND.

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng	217.471.241.960	217.471.241.960	749.715.686.909	631.378.091.089	335.808.837.780	335.808.837.780
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa (i)	96.393.430.384	96.393.430.384	181.721.939.878	212.470.254.008	65.645.116.254	65.645.116.254
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên (ii)	49.915.680.564	49.915.680.564	90.969.064.500	105.283.823.064	35.600.922.000	35.600.922.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (iii)	71.162.131.012	71.162.131.012	477.024.682.531	313.624.014.017	234.562.799.526	234.562.799.526
Vay cá nhân (iv)	801.362.569	801.362.569	54.152.947	855.515.516	-	-
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả						
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 22)	864.183.235	864.183.235	-	864.183.235	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa	864.183.235	864.183.235	-	864.183.235	-	-
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 22)	2.626.312.168	2.626.312.168	2.591.366.720	2.632.201.896	2.585.476.992	2.585.476.992
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	58.504.360	58.504.360	-	58.504.360	-	-
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV	2.567.807.808	2.567.807.808	2.591.366.720	2.573.697.536	2.585.476.992	2.585.476.992
- SuMi TRUST	221.763.099.932	221.763.099.932	752.361.206.576	635.729.991.736	338.394.314.772	338.394.314.772

27



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

- (i) Phản ánh khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2023/HĐCVHM/NHCT126-CSSV ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - chi nhánh Đồng Đa ngày 11 tháng 04 năm 2023 có tổng giá trị khoản vay tối đa 150.000.000.000 VND, với mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ cao su. Lãi suất cho vay được xác định trên từng Giấy nhận nợ. Thời hạn cho vay được xác định theo từng Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay ngắn hạn này cùng với khoản vay dài hạn tại cùng ngân hàng được trình bày ở Thuyết minh số 22 được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty bao gồm các máy móc, thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 2.948.560.170 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 7.235.654.446 VND), được trình bày tại Thuyết minh số 11, và giá trị quyền sử dụng đất tại xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 3.042.161.718 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 3.042.161.718 VND), được trình bày tại Thuyết minh số 13.
- (ii) Phản ánh khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 04/2023/HĐCVHM/NHCT260-SRC ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - chi nhánh Phúc Yên ngày 13 tháng 4 năm 2023 có tổng giá trị khoản vay tối đa 50.000.000.000 VND, với mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh sẫm, lớp và các sản phẩm từ cao su. Lãi suất cho vay được xác định trên từng Giấy nhận nợ. Thời hạn cho vay được xác định theo Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty bao gồm các máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 0 VND, được trình bày tại Thuyết minh số 11.
- (iii) Phản ánh khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2023/135074/HĐTD ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Nội ngày 28 tháng 4 năm 2023 và các phụ lục kèm theo có tổng giá trị khoản vay tối đa 385.000.000.000 VND, với mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, bảo lãnh thanh toán, mở L/C. Lãi suất và thời hạn cho vay được xác định trên từng Giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm và tài sản gắn liền với đất của Công ty tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 367.157.104 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 404.636.961 VND).
- (iv) Phản ánh khoản tiền vay các cá nhân là nhân viên của Công ty với thời gian vay dưới 12 tháng và lãi suất vay là 5%/năm.

28



22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng dài hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa	864.183.235	864.183.235	-	864.183.235	-	-
Nợ tài chính dài hạn	864.183.235	864.183.235	-	864.183.235	-	-
Nợ tài chính dài hạn						
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	7.908.203.436	7.908.203.436	319.500.766	2.974.892.845	5.252.811.357	5.252.811.357
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - SuMI TRUST (i)	58.504.360	58.504.360	-	58.504.360	-	-
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - SuMI TRUST (i)	7.849.699.076	7.849.699.076	319.500.766	2.916.388.485	5.252.811.357	5.252.811.357
Vay dài hạn khác						
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn (ii)	130.000.000.000	130.000.000.000	-	-	130.000.000.000	130.000.000.000
	130.000.000.000	130.000.000.000	-	-	130.000.000.000	130.000.000.000
	138.772.386.671	138.772.386.671	319.500.766	3.839.076.080	135.252.811.357	135.252.811.357

Trong đó:

Vay và nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	3.490.495.403	2.585.476.992
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	864.183.235	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa	864.183.235	-
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	2.626.312.168	2.585.476.992
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	58.504.360	-
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - SuMI TRUST (i)	2.567.807.808	2.585.476.992
Số phải trả sau 12 tháng	135.281.891.268	132.667.334.365
Vay dài hạn	130.000.000.000	130.000.000.000
Nợ dài hạn	5.281.891.268	2.667.334.365

- (i) Phản ánh số dư các hợp đồng thuê tài chính giữa Công ty và Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - SuMI TRUST với mục đích sử dụng tài sản thuê tài chính để phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn của các hợp đồng cho thuê tài chính là 60 tháng kể từ thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho thuê tài chính cố định 8%/năm trong vòng 3 tháng kể từ ngày nhận nợ thuê và sau đó, lãi suất thuê là lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân VND 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam công bố cộng với biên độ và được điều chỉnh 3 tháng một lần.
- (ii) Phản ánh khoản vay dài hạn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn - bên liên quan của Công ty để góp vốn điều lệ vào Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn. Thời hạn vay được điều chỉnh theo lộ trình thoái vốn của Công ty tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn. Lãi suất vay là 0%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	-	864.183.235
Trong năm thứ hai	-	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	130.000.000.000	130.000.000.000
	130.000.000.000	130.864.183.235
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	-	(864.183.235)
Số phải trả sau 12 tháng	130.000.000.000	130.000.000.000

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Phản ánh dự phòng trích lập để bảo hành sản phẩm cho các lô hàng Công ty đã bán đến ngày 31 tháng 12 năm 2023. Dự phòng bảo hành sản phẩm là ước tính chính xác nhất của Ban Tổng Giám đốc về khoản nợ phải trả áp dụng đối với các sản phẩm từ cao su trên cơ sở kinh nghiệm của Công ty về xác suất các sản phẩm lỗi.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022						
Số dư đầu năm trước	280.657.650.000	3.605	87.678.683.394	(23.970.000)	64.280.586.656	432.592.953.655
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	27.741.255.413	27.741.255.413
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	12.013.442.561	-	(12.013.442.561)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(4.004.480.854)	(4.004.480.854)
Trích quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành	-	-	-	-	(159.000.000)	(159.000.000)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(16.838.020.800)	(16.838.020.800)
Số dư cuối năm trước	280.657.650.000	3.605	99.692.125.955	(23.970.000)	59.006.897.854	439.332.707.414
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023						
Số dư đầu năm nay	280.657.650.000	3.605	99.692.125.955	(23.970.000)	59.006.897.854	439.332.707.414
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	29.400.635.701	29.400.635.701
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	8.322.376.624	-	(8.322.376.624)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(2.774.125.541)	(2.774.125.541)
Trích quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành (i)	-	-	-	-	(159.000.000)	(159.000.000)
Chi trả cổ tức (i)	-	-	-	-	(22.450.694.400)	(22.450.694.400)
Số dư cuối năm nay	280.657.650.000	3.605	108.014.502.579	(23.970.000)	54.701.336.990	443.349.523.174

31

(i) Nghị quyết số 64/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 24 tháng 4 năm 2023 phê chuẩn kế hoạch phân phối lợi nhuận của năm 2022 của Công ty như sau:

- Chia cổ tức bằng tiền (8% vốn điều lệ): 22.450.694.400 VND
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% lợi nhuận sau thuế năm 2022): 2.774.125.541 VND
- Quỹ khen thưởng ban quản lý, điều hành: 159.000.000 VND
- Quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận sau thuế năm 2022): 8.322.376.624 VND

Đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty đã thực hiện chi trả toàn bộ số cổ tức theo Nghị quyết số 64/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông nói trên cho các cổ đông.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 280.657.650.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	%	Số cuối năm VND	%	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn	50,2%	140.932.900.000	24,5%	68.861.500.000
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	36,0%	101.041.150.000	36,0%	101.041.150.000
Các cổ đông khác	13,8%	38.659.630.000	39,5%	110.731.030.000
Cổ phiếu quỹ	0,0%	23.970.000	0,0%	23.970.000
	100%	280.657.650.000	100%	280.657.650.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28,065,765	28,065,765
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28,065,765	28,065,765
+ Cổ phiếu phổ thông	28,065,765	28,065,765
- Số lượng cổ phiếu quỹ	2,397	2,397
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28,063,368	28,063,368
+ Cổ phiếu phổ thông	28,063,368	28,063,368

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm, dịch vụ như sau:

- Bộ phận sản xuất
- Bộ phận thương mại
- Bộ phận khác



Các thông tin về bộ phận kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Sản xuất VND	Thương mại VND	Khác VND	Tổng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	300.471.772.809	288.206.014.755	1.950.805.533	590.628.593.097
Tài sản không phân bổ				756.211.065.927
Tổng Tài sản				1.346.839.659.024
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	80.336.389.524	86.610.064.894	13.898.338	166.960.352.756
Nợ phải trả không phân bổ				736.529.783.094
Tổng Nợ phải trả				903.490.135.850

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm nay:

	Sản xuất VND	Thương mại VND	Khác VND	Tổng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	798.387.198.577	379.491.570.936	19.871.337.979	1.197.750.107.492
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	669.612.154.134	360.058.650.517	2.779.990.355	1.032.450.795.006
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ				165.299.312.486
Doanh thu hoạt động tài chính				1.649.675.834
Chi phí tài chính				20.950.713.662
Chi phí bán hàng				33.672.177.635
Chi phí quản lý doanh nghiệp				74.666.552.613
Lợi nhuận khác				1.395.533.551
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế				39.055.077.961
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				9.654.442.260
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				29.400.635.701

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

	Sản xuất VND	Thương mại VND	Khác VND	Tổng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	419.339.183.994	59.340.082.581	461.374.785	479.140.641.360
Tài sản không phân bổ				765.885.397.715
Tổng Tài sản				1.245.026.039.075
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	108.756.358.456	90.045.154.433	13.086.559	198.814.599.448
Nợ phải trả không phân bổ				606.878.732.213
Tổng Nợ phải trả				805.693.331.661

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm trước:

	Sản xuất VND	Thương mại VND	Khác VND	Tổng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	874.737.335.396	12.388.670.716	28.154.815.000	915.280.821.112
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	739.268.838.591	11.473.931.312	2.225.749.952	752.968.519.855
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ				162.312.301.257
Doanh thu hoạt động tài chính				1.574.424.431
Chi phí tài chính				16.797.566.238
Chi phí bán hàng				45.311.326.176
Chi phí quản lý doanh nghiệp				67.424.325.941
Lợi nhuận khác				3.839.076.127
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế				38.192.583.460
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				10.451.328.047
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				27.741.255.413

Bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo bộ phận thứ yếu của Công ty theo khu vực địa lý như sau:

Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Xuất khẩu VND	Trong nước VND	Tổng VND
1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
<i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	162.622.743.285	1.035.127.364.207	1.197.750.107.492
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp			1.032.450.795.006
<i>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>			165.299.312.486
Doanh thu hoạt động tài chính			1.649.675.834
Chi phí tài chính			20.950.713.662
Chi phí bán hàng			33.672.177.635
Chi phí quản lý doanh nghiệp			74.666.552.613
Lợi nhuận khác			1.395.533.551
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			39.055.077.961
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			9.654.442.260
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>			29.400.635.701
2. Tài sản bộ phận			1.346.839.659.024
3. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ			16.173.723.558

Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022:

	Xuất khẩu VND	Trong nước VND	Tổng VND
1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
<i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	155.931.406.516	759.349.414.596	915.280.821.112
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp			752.968.519.855
<i>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>			162.312.301.257
Doanh thu hoạt động tài chính			1.574.424.431
Chi phí tài chính			16.797.566.238
Chi phí bán hàng			45.311.326.176
Chi phí quản lý doanh nghiệp			67.424.325.941
Lợi nhuận khác			3.839.076.127
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			38.192.583.460
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			10.451.328.047
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>			27.741.255.413
2. Tài sản bộ phận			1.245.026.039.075
3. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ			3.693.448.716

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	23.518.383.538	23.460.041.860
Trên 1 năm đến 5 năm	94.073.534.152	93.840.167.440
Trên 5 năm	603.831.938.309	625.726.345.276
	721.423.855.999	743.026.554.576

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
USD	89.796,19	337.019,24
RUB	2.067.637,91	

27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	835.131.099.573	918.997.248.524
Doanh thu bán hàng hóa	379.491.570.936	12.388.670.716
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.459.130.921	22.970.029.707
Doanh thu bán vật tư	2.862.128.462	2.446.319.668
Doanh thu khác	550.078.596	2.738.465.625
Tổng cộng	1.234.494.008.488	959.540.734.240
Các khoản giảm trừ doanh thu		
a. Chiết khấu thương mại	36.660.015.004	43.503.496.642
b. Hàng bán bị trả lại	83.885.992	756.416.486
	36.743.900.996	44.259.913.128
Doanh thu thuần	1.197.750.107.492	915.280.821.112
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 35)	89.718.793.318	27.028.338.753

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 NĂM 2023

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	671.321.077.471	741.703.405.043
Giá vốn của hàng hóa đã bán	360.058.650.517	11.473.931.312
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	400.000.000	-
Giá vốn của vật tư đã bán	2.379.990.355	2.225.749.952
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.708.923.337)	(2.434.566.452)
	1.032.450.795.006	752.968.519.855

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	468.475.606.489	622.536.436.433
Chi phí nhân công	102.636.211.823	118.123.342.153
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.668.449.264	14.142.918.075
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.460.373.085	36.962.083.730
Chi phí khác	90.641.047.344	84.418.695.249
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	2.092.424.144	(3.284.089.962)
	709.974.112.149	872.899.385.678

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	583.339.097	721.420.863
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.066.336.737	853.003.568
	1.649.675.834	1.574.424.431

31. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	16.010.130.009	13.430.033.634
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	4.584.999.100	3.505.015.800
Lỗ chênh lệch tỷ giá	470.034.322	509.582.528
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(114.449.769)	(647.065.724)
	20.950.713.662	16.797.566.238

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	22.728.739.578	26.766.769.522
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.510.155.454	1.174.126.688
Thuế, phí, lệ phí	26.509.004.246	19.714.267.997
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	3.815.829.156	(866.305.302)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.738.531.643	15.330.380.779
Chi phí khác	6.364.292.536	5.305.086.257
	74.666.552.613	67.424.325.941

Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

Chi phí nhân công	5.041.772.962	5.558.513.283
Chi phí khấu hao tài sản cố định	112.072.130	121.205.520
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.769.044.494	29.531.774.042
Chi phí quảng cáo	1.149.745.505	1.285.687.228
Chi phí bảo hành sản phẩm	3.991.447.204	5.777.535.941
Các khoản khác	2.608.095.340	3.036.610.162
	33.672.177.635	45.311.326.176

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	9.654.442.260	9.591.062.745
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	860.265.302
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.654.442.260	10.451.328.047

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	39.055.077.961	38.192.583.460
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	90.185.303	-
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản tiền, nợ phải thu	90.185.303	-
Cộng các khoản chi phí không được trừ:	9.307.318.641	9.762.730.265
- Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ của các khoản tiền, nợ phải thu	-	235.971.224
- Thủ lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	126.000.000	126.000.000
- Chi phí không được khấu trừ	9.181.318.641	9.400.759.041
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	48.272.211.299	47.955.313.725
Thuế suất	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.654.442.260	9.591.062.745



34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	29.400.635.701	27.741.255.413
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	-	(2.774.125.541)
Số trích quỹ thưởng ban điều hành (VND)	-	(159.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	29.400.635.701	24.808.129.872
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	28.063.368	28.063.368
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.048	884

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết số 64/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

	Năm trước	
	Số báo cáo	Số trình bày lại
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	27.741.255.413	27.741.255.413
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	-	(2.774.125.541)
Số trích quỹ thưởng ban điều hành (VND)	-	(159.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	27.741.255.413	24.808.129.872
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	28.063.368	28.063.368
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	989	884

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành do Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào các quỹ này cho năm tiếp theo. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn	Công ty mẹ
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Quang Hòa	Thành viên Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty Cổ phần DAP VINACHEM	Cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	Cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghệ Hóa chất	Cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia rượu và Nước giải khát Sao Vàng	Cùng Tập đoàn Hoàng Sơn
Công ty Cổ phần Sao Vàng - Hoàng Sơn	Công ty liên kết
Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn	Công ty liên kết

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	89.718.793.318	27.028.338.753
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn	89.407.526.318	26.608.213.753
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	311.267.000	420.125.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	259.886.364	440.909.091
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia rượu và Nước giải khát Sao Vàng	259.886.364	-
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghệ Hóa chất	-	440.909.091
Cho vay	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn	-	2.000.000.000
Thu hồi tiền cho vay	-	(2.000.000.000)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn	-	(2.000.000.000)
Trả cổ tức trong năm	13.592.212.000	10.194.159.000
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	8.083.292.000	6.062.469.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn	5.508.920.000	4.131.690.000
Trả tiền vay	524.753.790	-
Ông Nguyễn Quang Hòa	524.753.790	-
Nhận góp vốn trong năm	72.071.400.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn	72.071.400.000	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	114.127.530	307.901.130
Công ty Cổ phần DAP VINACHEM	53.953.130	53.953.130
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	55.274.400	249.048.000
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	4.900.000	4.900.000
Phải trả người bán ngắn hạn	335.972.727	335.972.727
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghệ Hóa chất	335.972.727	335.972.727
Vay ngắn hạn	-	518.911.936
Ông Nguyễn Quang Hòa	-	518.911.936
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	64.555.712.596	75.919.187.599
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn	64.555.712.596	75.919.187.599
Phải trả dài hạn khác	143.500.000.000	143.500.000.000
Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn	143.500.000.000	143.500.000.000
Vay dài hạn	130.000.000.000	130.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn	130.000.000.000	130.000.000.000

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

		Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		360.000.000	344.000.000
Phạm Hoàng Sơn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Việt Hùng	Thành viên Hội đồng Quản trị	48.000.000	48.000.000
Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên Hội đồng Quản trị	48.000.000	48.000.000
Nguyễn Đình Sơn	Thành viên Hội đồng Quản trị	48.000.000	48.000.000
Lương Xuân Hoàng	Thành viên Hội đồng Quản trị	48.000.000	48.000.000
Nguyễn Trung Hòa	Trưởng ban kiểm soát	48.000.000	32.000.000
Hoàng Văn Hòa	Thành viên Ban Kiểm soát	30.000.000	30.000.000
Vũ Thị Mai Nhung	Thành viên Ban Kiểm soát	30.000.000	30.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám Đốc		1.626.114.585	1.678.202.400
Nguyễn Việt Hùng	Tổng giám đốc	627.686.874	627.731.200
Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng giám đốc	522.886.570	531.131.200
Nguyễn Quang Hải	Phó Tổng giám đốc	475.541.141	519.340.000
Thu nhập Kế toán trưởng		466.362.141	244.750.000
Trần Minh Tuấn		466.362.141	244.750.000
Thu nhập Ban Kiểm Soát		545.714.890	639.816.558
Trần Minh Tuấn	Trưởng ban kiểm soát, miễn nhiệm ngày 25/04/2022	-	207.500.000
Nguyễn Trung Hòa	Trưởng Ban Kiểm soát	282.099.888	174.367.882
Hoàng Văn Hòa	Thành viên Ban Kiểm soát	263.615.002	257.948.676
Tổng cộng		2.998.191.616	2.906.768.958

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phí tiền tệ

Tiền chi trả cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 1.075.017.618 VND (năm trước: 1.004.696.578 VND), là số tiền cổ tức được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết số 64/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 mà chưa thực hiện chi trả. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

37. SỰ KIẾN XẢY RA SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 01 năm 2024, Công ty đã thực hiện ký kết với Công ty Cổ phần Casla về việc chuyển nhượng quyền thuê lại đất với cơ sở hạ tầng và tài sản gắn liền với đất liên quan đến 102.538m² đất thuộc Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo Hợp đồng chuyển nhượng số 301/2024/SRC-CASLA với giá trị chuyển nhượng chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng là 146.585.248.660 VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đang trong quá trình tiến hành các thủ tục cần thiết để hoàn thành bàn giao việc chuyển nhượng quyền thuê lại đất nói trên.

Tại ngày 30 tháng 01 năm 2024, Công ty đã thực hiện ký kết với Công ty Cổ phần Casablanca Việt Nam về việc chuyển nhượng quyền thuê lại đất với cơ sở hạ tầng và tài sản gắn liền với đất liên quan đến 110.000m² đất thuộc Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo Hợp đồng chuyển nhượng số 301/2024/SRC-CASABLANCA VN với giá trị chuyển nhượng chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng là 157.252.700.000 VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đang trong quá trình tiến hành các thủ tục cần thiết để hoàn thành bàn giao việc chuyển nhượng quyền thuê lại đất nói trên.

Lê Lan Phương
Người lập biểu

Trần Minh Tuấn
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2024



SRC[®]

CÔNG TY CP CAO SU SAO VÀNG

Địa chỉ: 231 Nguyễn Trãi - Phường Thượng Đình - Quận Thanh Xuân - TP Hà Nội - Việt Nam

Tel: (+84) 243 858 3656 - Fax: (+84) 243 858 3644